

5284

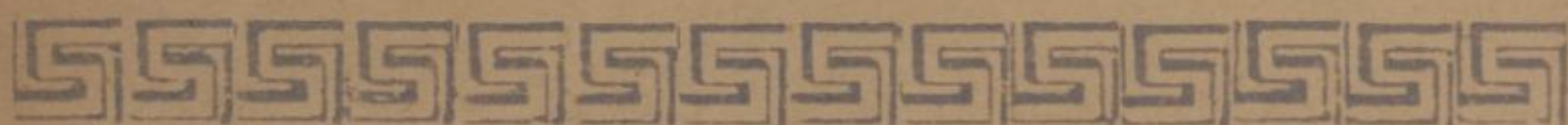
80
INDO-CHINOIS

1284

TR DYNH



HẬU ĐÌNH HOA

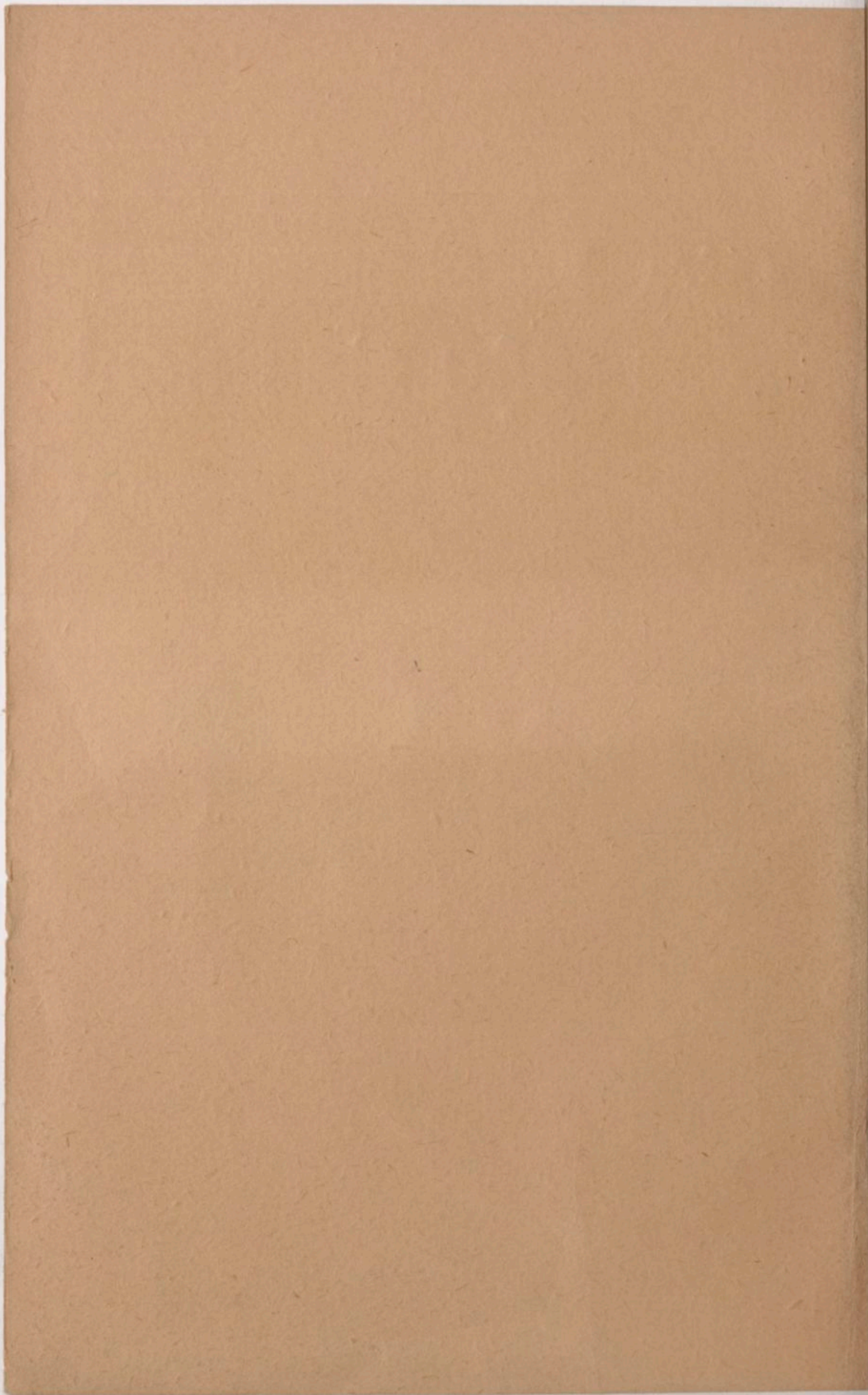


Le 12 juin 1930

[Signature]

(C)

1284



TRUC-DYNH

HẬU-ĐÌNH-HOA

(Luận-đề tiểu-thuyết)



8° Indoch.
1284

Cùng một tác-giả

1096 (mấy năm đi lính)

**LINH-NHẬN-KỶ
KHỎI THUỐC PHIỆN**

NGUYỄN-KINH Cie

Xuất-bản

Haiphong

Đề tặng

*Những ai đã lâm-than trong cõi
Nhân-gian địa-ngục*

*Những ai, ngày nay đã có tư-tưởng
siêu-việt ra khỏi vòng eo-hẹp của
Gia - Đình*

185

Tháng 10 năm Thìn (1864)

Tháng 10 năm Thìn (1864)

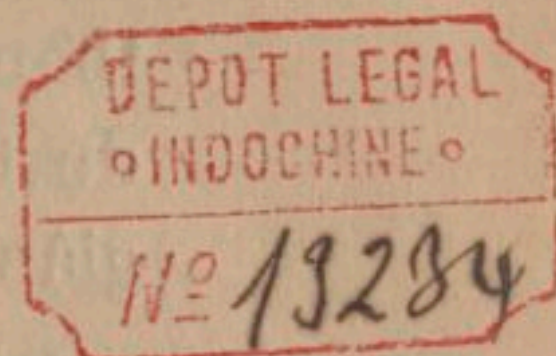
Tháng 10 năm Thìn (1864)

Tháng 10 năm Thìn (1864)

Tháng 10 năm Thìn (1864)

HẬU - ĐÌNH - HOA

CHƯƠNG I



Trường đua ngựa của thành Nữu-Đán

Một giờ trưa. — Chiều thứ tư tháng mười. Trên đường Tây-Kinh thì người ta thấy có vô-số những đứa trẻ, trạc độ 15, 16, mặc quần áo chàm, vừa chạy vừa rao.

*Giải quán-quân năm 1929
Dự-trắc về con ngựa Thiên-Đường
và Alligator*

Dự-trắc nghĩa là lượng-trước. — Khi đến kỳ thi ngựa thì đã có những người đầu-cơ thạo về tin-tức các con ngựa đua rồi lượng trước xem những con nào sẽ được giải, đem in thành sách con con độ mười trang, giá bán ba hào. Ba hào! Đắt hơn những sách học, đắt hơn những chuyện hay. Các văn-sĩ

ngắc-ngỏi, thiết-tưởng cũng nên sang thành Nữ-Đán, học cái thuật viết sách dự-trắc về ngựa đua, có lẽ khỏi ôm cái giận : « vẫn không nuôi người. »

Rồi những hồng-nam lục-nữ rập-rìu trên đường, tranh nhau mà mua, cướp nhau mà mua. Vì ai cũng khao-khát muốn đọc lời dự-trắc về con ngựa Thiên-Đường và Alligator.

Thiên-Đường

Alligator

Đó là hai vị phúc-tinh sẽ cuồn cái số tiền 275.000 bạc cho người “vị-lai chi phú-gia ông.”

Đó lại là hai con quái-vật, đến chốc nữa sẽ làm tổn bao nhiêu tiền đánh cuộc, tiền mua vé, tiền mua số của những người máu-mê cờ bạc.

*
* *

Phàm ai mới đến thành Nữ-Đán, thấy những tòa nhà cao ngất như muốn kiêu-ngạo với trời xanh, những đường đi người đông như vi-trùng, thấy cái cảnh một tắc đất là một tắc

vàng, tất phải kinh-ngạc rằng làm sao ở đây lại có được một trường đua ngựa.

Một giải đất to rộng, cỏ mọc xanh rì, ngoài là vòng 600 thước giải cát, rào sơn trắng. Trên miếng đất thì ngày thường vẫn thấy những bộ quần áo sắc-sỡ như phường tuồng chạy qua chạy lại, rồi nghe thấy những tiếng vỗ tay rầm rầm, những giọng hò-hét hăng-hái. Đó là những kiện-tướng đương đấu « banh tròn ». Nhưng hôm nay, trên nóc nhà « sa-lê » (chalet) ở giữa miếng đất ấy thấy phất-phơ một lá cờ đỏ. Đó là dấu hiệu cấm không được vận-động hôm nay, nên bãi cát... vắng tanh. Trái lại, ở góc phía nam, trên khán-đài rộng lớn thì cờ vạn-quốc treo chằng-chịt, xanh, đỏ, tím, vàng. Người đến tranh cuộc đen đỏ đã ngồi chật như nêm, như cối. Cái bình-phong thịt chắt lên từng-từng lớp-lớp.

Ngoài hàng rào thì có một con rồng lớn bằng sắt, chạy bằng dầu xăng, cuồn-cuộn từ đông đến tây, kêu đình

tai nhức óc. Đó là những xe hơi chờ người đi xem.

Đến ngã tư. Cửa vào trường đua. Giữa chỗ đó, trông sang bốn con đường lớn là một cái cột đèn to, nửa dưới sơn trắng, nửa trên sơn đỏ. Trên cột đó, cao hơn mặt đất chừng 15 thước tây, cắm một cái chuông. Cái chuông đó rào sắt, không phải để nuôi bồ-câu, mà là chỗ để thầy “đội-xếp” chỉ-huy xe cộ đi lại. Thầy phồng má trợn mắt, huýt còi một cái, thì thấy re...re... re... tiếng chuông điện, đèn lóa chiếu đỏ ối bên này, xanh lè bên kia. Thấy đèn xanh thì đoàn xe lại rần-rần rộ-rộ chạy qua. Thấy đèn đỏ thì vội vàng hãm “phanh” lại.

Nhỡ có cái xe bò hay xe kéo nào tất tưởi chạy qua thì thầy nghiêng rặng, dơ gậy ra, chửi mắng ầm-ĩ. Vì ở chỗ nhiệt-náo này thì chỉ có một thứ xe thượng-lưu được chạy qua. Xe đó là ô-tô.

Thế chỗ nên, nhỡ có con “ ngựa người ” nào chạy qua mà bị đề nghiêng thì vợ con nó sẽ được lĩnh món tiền là 20 \$, gọi là tiền ăn đường cho nó đi xuống tuổi vàng. Rẻ hơn là một con chó thương.

Những kẻ nào thăm-tím rằng thế-giới càng ngày càng bình-dẳng, thì nên đến đây, sẽ được một bài học hay.

*
* *

Chiếc ô-tô số 11.256 — Xe kiểu Cadillac sơn sạm chạy êm như ru, cũng theo đoàn xe kia mà tiến đến trường đua. Trong có ba người ngồi. Hai bên là hai người thiếu-niên mặc lễ-phục Âu-châu sắc đen, “ nơ ” đen, giày đen, sô-mi trắng xóa. Ở giữa chễm-chệ một vị Khổng-Lồ trạc độ 40 tuổi, ngồi đường-bệ như một pho tượng Di-Lặc, mặt đầy đà, mắt sáng như gương, râu cứng uốn cong như lưỡi liềm, phụng-phịu ngậm một điếu xì-gà thực to, áo tây hai khuy da cam kẻ vuông, sô-mi

cồn kiêu Đàng-tông, cái mùi-xoa lụa sắc sỡ nhét ở túi nhỏ lòi ra đến ba mươi phân tây. Thế mà dưới..... ối trời đất ơi !..... lại mặc cái quần vàng ngắn kiêu đồng-tử quân (boy scout), bít tất vận-động (sport) bằng len lên tận đầu gối, đôi giày vàng mũi vuông to như hai chiếc thuyền.

Ông Khổng - Lồ, ông phật Di - Lặc “chửi đời” bằng cái bộ cánh kỳ-quặc đó đương đọc tờ Đạo-đức báo. Ông dơ tay lên gãi cái đầu tóc cúp ngắn, rồi điệu xi-gà ở mồm phều-phào chạy từ bên trái sang bên phải. Ông đặt tờ báo lên đầu gối, hai tay đương thẳng cánh đập vào đùi của hai vị thiếu-niên công-tử đương dăm-dăm nhìn về tấp nập ngoài đường:

“ Đạo-đức ! Này nghe đạo-đức ! ”

— Vâng, ông đọc lên !

— Tờ báo Đạo-đức, ra ngày thứ ba :

LAI MỘT NGƯỜI TỰ - SÁT
VÌ THI NGỰA

« Ông Vương-Khả, xưa nay vẫn là
« một người hiếu-thuận với cha mẹ,

« kính nhường với anh em, làm ở sở
« Hải-Quan đã mười hai năm, người
« trên qui-mến, bạn-hữu kính-vì, chả
« may độ này bị quấy rầy thi ngựa, thi
« chó, đến nỗi có bao nhiêu tiền mồ-
« hôi nước mắt rành rọt bấy nhiêu
« lâu thua hết sạch. Ông thất-vọng, nên
« hôm qua đã uống thuốc độc với
« giấm thanh mà chết rồi.

« Bản-báo vẫn giữ cái thiên-chức phản
« đối kịch-liệt những trường đua ngựa,
« đua chó, nhầy đầm. đánh bạc; làm
« tiếng chuông sớm trống chiều để cứu-
« vớt kẻ trầm-luân trong bấy lâu nay.
« Thế mà Chính-phủ vẫn không để ý.
« Chính-phủ còn không để ý thì bản-báo
« còn phải hô-hào, cho kỳ đến khi
« phong-bế được những chốn dơ-bẩn
« kia, khu-trục những con ác-ma kia ra
« khỏi vòng thành Nữ-Đán.»

Đọc xong, ông La-Đình ôm miệng
cười phì.

Một người thiếu-niên hỏi:

« Ai viết bài đó? »

— Lại ông Sậu-Bạch chứ còn ai !
Thiếu mấy ông đạo-đức này thì quả
đất vẫn cứ quay, mặt trời vẫn cứ
chiếu, người ta vẫn cứ vui-cười, có
thiệt tí nào đâu ! Họ chỉ có chỗ này là
đắc dụng hơn cả ; khi nào chúng ta
mắc chứng bệnh không ngủ được,
xuốt đêm trằn trọc, tắc dạ bâng khuâng,
thì mời họ đến, ra dáng thực khiêm-
cung hỏi :

«Thưa ông, kẻ ngu dốt này muốn xin
hỏi ông tại làm sao con phải hiếu với
cha mẹ, chồng phải ở nhà luôn với vợ,
tại làm sao không nên sát sinh, tại làm
sao không nên đánh bạc.... Ấy chỉ vì
những vấn - đề quan - trọng đó mà
đêm hôm nay tôi không ngủ được.»

Rồi lắng tai nghe bộ máy nói đó
ngồi giảng đạo-đức thanh-cao, đạo-đức
ích-kỷ, đến khi nào phát chán mà phải
ngủ thiếp đi, thì đã có người nhà
mình dặn trước, thả con chó to dữ ra
cho nó sủa rầm lên. Nhà đạo-đức thế
nào cũng tái mét mặt mà chạy mất.
Hôm sau mình sẽ đến xin lỗi. . . .

— Thế chúng ta có nên đưa ma lão Vương-Khả không?

— Có chứ! Mà chúng ta lại còn nợ hần ba cái vòng hoa nữa. Tôi lại còn phải yêu-cầu với Hội-đồng (Trường đua) đúc cho hần một pho tượng đồng, dựng ở cửa chính, khắc thêm mấy chữ dưới chân:

VƯƠNG - KHẢ

1898 — 1929

Đã vì nghĩa-vụ “Đua ngựa” mà hi-sinh

Rồi cứ lần lượt, còn người nào uống thuốc-phiện với giám-thanh mà tự-sát về đua ngựa thì còn đúc tượng, dăng-dăng từ cửa chính đến khán-đài ở trong, được vài trăm pho như thế thì không cần phải giống cây mà mùa hè cũng có bóng râm.

— Thực là đủ bộ La-Hán, chư-phật ở Tây-phương tỉnh-thở. Nhưng tôi sợ: treo cái gương tầy liếp lên như thế, kẻ bàng-quan đến phải rùng mình, rồi vợ bảo chồng, cha bảo con, họ tầy-

chay, trường đua này chỉ sợ làm chỗ cho chim sẻ đậu !

— Có lắm đũa làm những việc táng-tân lương-tâm bằng mười kia, đến khi chết, được bia đá tượng đồng mà con cháu, họ hàng, làng nước, cũng cho làm viuh-diệu, rồi tán-tĩnh con ma con mãnh ra nghĩa khác chứ có đũa nào nói thực bao giờ. Vì loài người là một giống hiếu-biện, chuộng hư-vinh, chứ những anh « lái buôn đạo đức » khua môi uốn lưỡi, có bao giờ ai nghe cho. Cứ xem như đánh bạc. Ồi ! Đánh bạc ! Còn gì thú bằng miệt-mải trong cuộc đỏ-đen, đánh một tiếng bạc lớn có khác gì đánh một trận giặc to. Vì người đánh bạc lớn cũng như một vị tướng giỏi, hai người đều phải có cái đức « quả-quyết ». cả Vạn sự ở đời đều thu vào hai chữ may, rủi, hay là đỏ, đen. Một nhà lĩnh-tụ có tài cao, đức lớn muốn ra tay gỡ mỗi giường cho xã-tắc mà nhờ bị viên đạn vô-tình đưa xuống cửu nguyên thì những đồ mưu kế-hoạch ắt thành gio bụi, công-nghiệp còn

đâu đem đổi với non sông? Cho nên
cổ-nhân ví thế-sự như bàn cờ, Bàn cho
ráo-riết, cho võ lễ thì thế-sự như
canh bạc. Cơ-nghiệp mấy trăm năm
của nhà Tấn treo ở trên ngọn đèn lơ-
mờ của Khổng-Minh, nếu không có anh
chàng Ngụy-Diên vô-tình chạy vào thì
ngôi bảo-tộ lại trở về đất Hứa-Xương.

Chỉ những anh « lái buôn đạo-đức »
soi thế-giới qua những trí-thức vụn-vặt
nhặt được trong khi tầm chương trích-
cú, chỉ những anh không có cái đức
quả-quyết mới phản-đối cờ bạc, vì họ
sự đời mù tịt, có biết đâu từ thẳng xe
con đỏ ngồi đánh xóc-đĩa, thò lò trên
bờ bè cho đến tay bạc lớn xoay-xỏ
trong trường đua ngựa hay đám luân-
bàn (roulette) là thực-hành một
phương-diện trong nghìn vạn phương-
diện tiến-hóa của giới đất.....

*
* *

Xe Cadillac đỗ trước trường đua.
Mấy hôm lấy giải quán-quân, cho được
thêm long-trọng. nên các công-sở đều

được nghỉ cả. Nghỉ để đánh bạc. Nhưng Chính-phủ còn giữ ít liêm-sĩ, không cho các trường nghỉ nên ở ngoài cửa đã treo cái biển lớn đề mấy chữ :

Những trẻ con từ 17 tuổi trở xuống không được vào.

Hạn-chế đến thế mà người có bột đầu ! Ngách cửa bên tả đề riêng cho các hội-viên thì còn thấy những ông mũ cao áo dài thung-dung tiến-vào, chứ ở chỗ mua vé thì lúc-nhúc chen nhau như mớ cá, đè-bẹp nhau, xô-đẩy nhau không còn chút thể-thống nào cả.

Vào trong nữa là một cái sân to rộng, treo đầy những biển trắng in chữ đen, dưới những biển đó có những nhà con lồng kính để bán vé đánh số và đánh ngựa.

Các ông thì ráo cẳng chạy mua vé còn các bà thì khoan-thai, kéo cái gương con ngắm nghía, bà này thì vén lại tóc cho gọn, bà thứ nhì đánh phấn, bà thứ ba bôi môi son, bà thứ

tư vẽ lông mày. Cho nên người ta nói, trên thế-gian có ba loài động-vật mất thi-giờ trang-diễm nhất là ruồi, mèo và đàn-bà. Mà hôm đua ngựa vừa là hôm đi đánh bạc, vừa là hôm đi phô những một tối-tân, những quần áo đẹp.

*
**

Chuông đồng hồ lớn trên khán - đài đánh boong. . . boong. . . Tiếng rền - rĩ vang-vang như chuông nhà thờ. — Hai giờ chiều. Giờ khát khao, giờ mong mỏi của mấy vạn con người đương bản-khoản, đương hồi-hộp, đương dẫn-đo, đứng chằng yên lòng, ngồi chằng yên lòng.

Một thằng bé mặc áo nỉ đỏ khuy đồng, trịnh-trọng chạy ra lắc chuông kêu leng. . . keng, leng. . . keng. Đó là hiệu lệnh không được mua vé nữa. Ai cũng ngoảnh lên xem số vé đánh ngựa.

Thiên-đường	15000
Alligator	5000
Lady Hunt	4

Corporal

3

v. v.

Một con ngựa Thiên - đường đã chiếm mất mười lăm nghìn, hơn đứt con Alligator là kinh-dịch của mình những vạn vé thì đủ biết thiên hạ hăm mộ biết bao nhiêu.

Nhưng thế gian “hảo sự đa ma”. Con ngựa quý của công chúng kia chạy mới được nửa vòng thì bỗng nhiên ngã quỵ xuống, tằm thịt to sù-sụ nhào xuống như một cái bị gai, người cưỡi lộn cổ bắn xa ra ba thước. Chân trái dang trước của Thiên-Đường gãy rồi.

Lúc đó cả mấy tầng khán-dài chen nhau nghển cổ nhìn, ai nấy trên vẻ mặt tỏ ra một nỗi thất vọng vô cùng.

La-Đình, mặt tái xanh như chàm đồ, thung-dung bước xuống như khi đương đưa đám ma của một người ruột thịt yêu quý vậy. Hai mắt ông hoa cả lên, hai tai ông vù vù như muôn nghìn con nhặng bay, ông không còn biết rằng mấy vạn người đương nhôn-nhao vì con ngựa của ông, ông lại thần-nhiên

không còn ý gì mà đứng nhìn đàn ngựa kia dương hăng-hái bỏ nốt hai vòng cuối cùng để chiếm giải quán-quân. Bao nhiêu nhỡn-tuyến của ông đều thu vào con ngựa yêu quý của ông dương nằm rạp trên giải cát trường đua, dương ngoe-ngoáy cái đuôi như mừng chủ đến, dương quay đầu về ông để kêu, để hí.

Càng tiến đến gần thì ông lại càng rảo bước. Cách độ 20 thước thì ông chạy, đến khi còn cách có ba bước thì ông nhảy xồ lại. Con ngựa cố đứng lên. Nhưng khốn-nạn Vừa chạy mệt, vừa gãy căng đau quá, nên lại bỏ nhào xuống, cái ngã lần sau trông lại càng thê-thảm biết bao!

Ông ôm vào đầu nó. Ông vuốt ve nó, vỗ cái bờm cứng như kim của nó, mũi nó thở hơi ra như sương mù. Ông rút cái mũ-xoa lụa ra chùi mồ-hôi trắng xóa như muối cho nó.

Trong khi ông vuốt-ve như vậy, thì một luồng chớp điện đã loè qua khối óc của ông rồi. Một người nhanh-

trí khôn, quả-quyết như La - Đình thì đã hiểu rõ cách khu-xử con ngựa yêu-quí từ đây tàn-tật của mình rồi.

Cách khu-xử đó là cách chung trong vạn-cổ của trượng-phu đối với trượng-phu, siêu-nhân đối với siêu-nhân, anh-hùng đối với liệt-sĩ.

Ông vỗ vào cật ngựa, tiếng kêu bồm-bộp, mà rằng:

« Thiên-Đường yêu-quí của tao ơi! mi đã ở với tao trong bấy lâu nay, mi đã thấu rõ ta yêu-quí mi biết bao, yêu-quí mi hơn là đứa con ruột thịt của ta. Giờ chẳng may mi tàn-tật, ta có hẹp gì mà không mưu sự thiện-hậu cho mi, nhưng mi cũng thừa hiểu ta cùng mi xưa nay thờ-chuộng sự « khỏe » biết là bao! Ở trên mặt quả đất đã quá ư già-căn này chỉ có giống khỏe là có quyền sống, giống yếu phải làm mồi cho giống khỏe, thế-tất rồi chung-qui cũng phải tiệt-diệt hết. Vậy để cho mi sống tui sống nhục, chui chui rúc rúc, mất cả cái khi-khái của con ngựa thiên-lý, năm

trong tàu mà ghen với số phận của những con khác đương cưỡi gió đập mây thì chắc rằng mi cũng như ta, chả thèm sống mà làm gì. Có phải không mi?

La-Đình nói đến đây, cuống họng muốn nghẹn thì ôm chặt lấy cổ ngựa như muốn giữ nó lại. Nhưng ông cũng thừa hiểu trên cõi đời, có hợp phải có tan, có sinh phải có tử, ông không thể học thói nữ-nhi được nữa. Ông thò tay ra sau, rút cái súng lục, để vào tai Thiên-Đường. Nó đã hiểu lời của chủ, nó cúi gằm đầu xuống để nghe lời tuyên-án khốc-liệt của sự thiên-diễn.

Khi ông bấm cò súng, con ngựa lăn ngửa ra rẫy chết thì trên khán-dài lại càng nhao nhao lên. Có mấy bà bán khoán xoắn xuýt hỏi:

« Có thực không? Hắn bắn ngựa chết ư? Đâu nào? ...

-- Đẳng kia kia, trông nó chổng bốn vó chết lăn ra đấy, hắn đương giắt súng vào túi...

Đến lúc đó mấy bà mới hết mơ màng như tỉnh như mê, rít lên như còi, miệng mếu ai mới thoát nhìn lại tưởng cười, rồi khóc như chết cha chết mẹ.

Chỗ này một người trách :

« Rõ quân độc ác bất nhân, tiền của như thế, phỏng nuôi lấy nó thì đã chết hay sao ? »

Chỗ kia một đứa chửi :

« Đồ chó má thì nó mới ăn ở như thế ».

Rồi thì tiếng chửi lời rửa cứ nhao nhao lên như một luồng sóng dữ, mà những con chó sói đói đó hình như chực vồ La-Đình để xé ra trăm mảnh.

Nhưng... bề ngoài với bề trong đã mấy lúc giống nhau ? Họ hăng-hái bao nhiêu thì đến khi thấy La-Đình cao lớn lực-lưỡng, lù-lù bước tới như một chiếc tàu lại làm cho họ khiếp-đảm tâm-thần bấy nhiêu.

Ông nhác trông thấy họ rè-bĩu, lờm nguýt thì đã thừa hiểu rằng họ

ác-cảm bao nhiêu, họ căm-giận bao nhiêu. Ông đã có cái thuật « Vạn nhân địch » thì ông dễ mà sợ hay sao, ông có thể dơ hai cánh tay nghìn cân vịn cổ vài đứa, rút cái súng bách bộ xuyên dương mà bắn nhào chúng nó. Nhưng ông cũng tự nhận rằng chúng nó thấy cái dáng điệu hùng-vĩ của ông thì đã rụng-rời rồi. Vả mỗi thương-tâm thăm đăm tựa hồ rút hết lữ-lực của ông, làm cho ông mất hết sức phản-kháng, nên đành cúi đầu xăm xăm bước ra khỏi trường đua.

Ông cứ cắm đầu đi, rẽ hết đám rừng người nô-nức ra mãi đến vùng nhà-quê mà có những cây liễu dương la-dà theo gió cùng những cây trúc dương phất-phơ đón chim chiều.

Đến gần bờ một cái lạch, thấy một người cũng khỏe-mạnh đương xế-nể lặc-lè kéo một khúc gỗ.

Phàm những kẻ đã thống-khổ thì bao giờ cũng thương, cũng kính những người thống-khổ. La-Đình bèn cởi áo, xuống giúp người kia một cách ân-cần

cần-thận. Ông cố sức mãi, tưởng chừng như muốn đứt hết những mạch máu ở hai lá phổi mới kéo được khúc gỗ lên tận bờ. Ông lao-lực cho đến cực điểm nên nổi sầu trong tâm-khảm như đã nguôi dần.

Tên phu kéo thấy một người lịch-sự mà hạ cố giúp mình như vậy, lấy làm kinh-ngạc, bèn quì xuống lạy-tạ. La-Đình vội đỡ giậy, dơ tay ra nắm lấy cái bàn tay đen-đũi của người kia mà rằng:

« Anh không phải nợ ân gì với tôi cả. Trong khi tôi kéo khúc gỗ nặng lên bờ cho anh thì anh đã nhấc hòn đá trong tâm cho tôi. Hai ta thế là xong »

Tên phu ngẩn ra, không hiểu ông nói những gì cũng như hàng ngày nó không hiểu muôn nghìn chuyện khác cho nên kẻ ăn trắng mặc trơn vẫn thường khinh nó là con vật.

Sáng hôm sau, đã ngủ được một giấc vật-vã, thì La-Đình thu-xếp hành-lý để giở về quê chà đất tổ ở nước Thượng-Nhàn kia. Thiên-Đường đã chết rồi, ông

mất cánh tay phải. Ông không còn cơ-hội nào để gây nên những thủ-đoạn kinh-thiên động-địa trên trường đua nữa, nên đành phải tìm kế lui chân.

Cho nên chỉ trong khoản thời-gian ngắn ngủi mà thành Nữ-Đán mất hai con quái-vật :

La-Đình và Thiên-Đường.

CHƯƠNG I I

Nhắc chuyện cũ

Nhắc lại chuyện cũ hai mươi năm trước. Khi đó La-Đình hai mươi tuổi, mới tốt-nghệp ở trường ra. Ông cũng bị trong 14 năm trời, như những thiếu-niên khác ở nước Thượng-Nhàn, qua một con đường khô-khan trắc-trở từ sơ-đẳng cho đến trung-học, rồi đến đại-học. Cái óc măng-sữa, cái thân non-nớt đã bị nhét từ khi còn bé vào những buồng học không có khí giới, không có ánh sáng, không có tranh-ảnh để làm đẹp mắt những đứa nhi-dồng, rồi dằng-dẳng năm này sang năm khác sống nơm-nớp sợ hãi cái roi thước cạnh đồng của những ông thầy chỉ tin nhất có câu :

« Thứ nhất hay chữ, thứ nhì dữ đòn »

Ở một cái hoàn-cảnh khủng-hách như vậy cho nên từ nhỏ đã manh-nhà ra những tính gian-giảo, dối-trá, qui-lụy.

Vượt lên đến trung-học thì cảnh tự-sát về tinh thần lại càng khốc-liệt nữa. Ông phải ngày đêm nhai những bài lý-học, hóa-học mà ông không từng được thí-nghiệm bao giờ, ông phải nhớ như đóng đinh vào cột những niên-đại của các đế-vương trong lịch-sử. Trong mấy năm trung-học thì ông cảm-giận nhất một thầy dạy về địa-dư. Cứ đến giờ thì thầy bệ-vệ cặp cái cặp đến, thầy gọi một người học trò viết bảng nhanh nhất, thầy mở một pho sách rồi lim-dim hai mắt cầm đầu đọc liên-miên từ đầu giờ đến cuối giờ. Miệng thầy đã khản thì bao nhiêu cánh tay của mấy chục thiếu-niên đều mỏi rời cả rồi. Thế là thầy lại đi, tỉnh không giảng nghĩa một câu nào. Khi ra bài đối-giá bao nhiêu thì đến khi đọc bài thầy khe-khắt bấy nhiêu. Nói đến dân-số, diện-tích của các nước thì bắt học trò phải nhớ đến từng con số nhỏ li-ti, vô-phúc nhặng đi thì phạt viết, phạt quì, phạt ở lại đồ xuống như mura đá. Trái bốn năm trung-học phải dùng sức ký-ức đến cực-điểm như vậy thành ra diệt

hết tính phán-đoán. Đó là cái lò đúc máy chứ không phải đúc người

Rồi những cái trứng sắp nở, nghĩa là những cái óc thiếu-niên kia lại phải chọi lần cuối-cùng với một tảng đá to nữa, đó là nền đại-học.

Ba năm giờ ở đó là ba năm luyện nên một khối óc viển-vông, hư-danh, ghét thực-hành. Các cậu học trò hết bị làm cái máy đọc bài thì giờ lại thành những cái tai chịu tội. Cứ phải lắng tai hết giờ này sang giờ khác mà nghe những thầy tự cao tự đại, vắn cái máy nói sư-phạm kể huyền thiên không biết đâu là bờ là bến. Đó lại là cái xưởng để tạo nên những anh nho tiểu-nhân, những anh hủ nho chỉ giỏi tầm chương trích cú khéo giảng nghĩa tĩ mĩ những lý thuyết vô-vị, những đạo-giáo dị-đoan. Bọn này ra đời thành ra một bọn nói leo khinh người, cái gì cũng ra dáng thạo mà rút-cục chả biết gì cho tới nơi tới chốn cả.

Khi La-Đình đã đi cho hết bấy nhiêu độ đường để làm đẹp lòng cha mẹ thì khối óc đã căng-cọi, đã mệt mỏi. Thân thể thì ỉu rũ, thướt tha, da mặt thì xanh như tàu lá. Đó là lại mầm giống cho những chứng bệnh như ho lao, như cạn huyết. Ấy cũng may cho La-Đình không bắt chước những bạn đồng song mà lấy vợ, chứ không thì lại bị một cái gia-đình chết non chết yếu nó làm quẩn-quại hết tâm linh, rồi cả đời chỉ những canh-cánh bên lòng nỗi đói nỗi no, còn thì giờ đâu để thực-hành những lý-thuyết tối tân làm náo động cả nước sau này, kẻ ghét thì nhiều mà kẻ yêu thì ít.

Kẻ ghét thì rêu-rao, gọi ông là một tay nghịch-thuyết. Kẻ yêu thì tấm tắc khen ông là một nhà kỳ-ngôn. Nhưng than ôi ! số người yêu đem sánh với số người ghét thì có như hạt muối với bể xanh.

*
* *

Hơn hai mươi tuổi. Thoát li ra khỏi vòng trường học. Khối óc thiếu-niên.

lúc đó mới ra tiếp-xúc với cuộc đời hoạt-động. Thoạt nhìn ra tưởng rằng chỉ chiếu thiên hình vạn trạng qua cái khối tri-thức của mình là hiểu hết, là gồm hết, chẳng khác chi Thần vạn-tri vạn-năng mà đối với vũ-trụ vậy.

Nhưng thiếu-niên hiểu lầm, Thiếu-niên bị hết kẻ này người khác chê-bai là miệng còn hơi sữa, khối óc viển-vông, vụng dại . . . lúc đó mới biết rằng khen thì chẳng thấy mà chỉ chê là nhiều. Mà quả thực, những tri-thức trong nhà trường với những sự vật ở cõi đời nào có giống nhau. Một bên là trừu-lượng, một bên là cụ-thể, lẽ xung-đột thế-tất phải đương-nhiên.

Nhưng nỗi thất-vọng của thiếu-niên chỉ là tạm-thời. Thiếu-niên còn nhiều não phán-đoán bền nghiệm ra rằng học với hành của cổ-nhân là có nghĩa rất sâu-sắc. Học là tìm tri-thức để đưa giắt cho mình làm việc, sự học mới là một cái đồ-dùng. Đồ-dùng đó phải có một cái tay khéo léo mới nên

công. Cái tay khéo léo đó là « hành » tức đời nay ta gọi là giáo-dục vậy.

Cho nên ở nhà trường ra, học-trò chỉ có tri-thức chứ không có giáo-dục. Trường học phạm tội là ở như đó, trường học đáng đập đổ ra đất bằng cũng bởi lẽ đó.

Trong khi có chết đuối, thì trên bờ cần-dùng người khéo khua môi uốn lưỡi đứng giảng cho công-chúng về chủ-nghĩa duy - tha, về sự phải trọng mạng người, vì là cứu người thì sẽ được thưởng mề-day, hay là cần dùng người không đợi ai bảo, lập-tức cỡi áo nhảy xuống nước để cứu?

Kẻ khua môi uốn lưỡi kia tức gọi là người có tri-thức. Kẻ không đợi ai bảo mà nhảy xuống cứu người lên, đó là người có giáo-dục.

Những nước xưa nay đã làm bá-chủ trong lịch-sử đều là những nước có giáo-dục, có kỷ-luật (discipline). Họ rạng-rỡ nêu danh được là vì con

cháu họ biết phục-tòng theo lẽ chung. Đến khi công-lợi, quốc-thị đã bị rung-động là con-cháu họ nghiên nước nghiên thành ra tận tâm ngay. Đáng thương cho những nước mà con dân chỉ khéo nói nhảm!

Tiến lên một bậc nữa, thì sự kết-tinh của giáo-dục là gì? Là tạo nên cốt-cách (le caractère). Cốt-cách, đó là nguyên động-lực vĩ-dại nhất từ xưa đến nay, đó là cái gây thần-sích để đổi một người nghèo-khổ thành một vị tướng oanh-liệt. Cốt-cách đã gây nên những tay như Nã-phá-Luân, Thành-cát-tư-hãn.

Vậy cốt-cách có những đặc-sắc gì? Trước hết là chí nhẫn-nại, như giọt nước đục hòn đá, như sóng bể đập đá thành cát nhỏ li-ti. Người có nhẫn-nại thì dù bách-triết thiên-ma cũng phải đi cho đến mục-dích.

Rồi đến tính tự-quản (domination de soi-même). Người có tự-quản thì không bao giờ sợ những tính xấu nó

ảnh-hưởng như rỉ đục sắt, như một đục gỗ. Người có tính tự-quản không hề sợ chết, tức nghĩa là không sợ ai vì cái chết đã ở trong tay họ rồi. Tính tự-quản, tức nôm-na ta gọi là can-dảm. Rồi đến tài tiên-xuất (l'initiative). Người có tiên - xuất không bao giờ câu-nệ theo tục cũ, sợ dư-luận của thiên-hạ, biết cái lỗi của thiên-hạ mà có gan không theo, tự mình hoạch hẳn một lối mới để đi, chứ không phải sợ ai bình-phẩm cả. Tuy cốt cách lại còn nhiều nguyên-tố khác nữa, như mặt của mỗi người một khác, nhưng đại - khái đều phải có ba cái đặc-sắc kể ở trên kia.

Một nước mà con dân được nhiều người có cốt-cách như vậy thì nước đó thế nào cũng nêu danh trong lịch-sử, làm chủ những nước nhu-nhược mà chỉ có được lũ đàn ông mặc yếm.

Mà một người có cốt-cách thì cần gì thuở bé phải học nhiều. Ông Lâm-Khảng (Lincolu) đến gần ba mươi tuổi

cũng vẫn là kẻ ngu dốt, chỉ nhờ có nhân-nại, nghị-lực mà sau thành một bậc vĩ-nhân ở Tân thế-giới.

Những mối tư-tưởng liên-miên đó ám-ảnh khối óc của thiếu-niên trong mấy ngày. Nhưng thân-thể có tiêu-tụy, hình-dung có khô - cảo, mà tinh-thần của thiếu-niên lại thấy minh bạch, rõ ràng hơn. La-Đình đã thấy tia sáng của chân-lý, chân-lý cần dùng cho cái thời đại cạnh tranh kịch-liệt này.

Vì thế nên thiếu-niên không thể bắt chước bạn bè, không thể nghe lời cha mẹ, lặn vào làm việc với nhà nước. Vì làm với nhà nước tức là làm một việc không có trách nhiệm. Đã không có trách nhiệm tất chỉ cầu cho đủ lệ. Thế thì làm sao cũng tiêu-ma mất hết những đức tính như nhân-nại, tự-quản tiên-xuất, nghị-lực. Làm nhà nước: đó là miếng đất để mọc cỏ xấu, chứ mầm tốt không sao mọc được.

La-Đình bèn quyết chí ra nước ngoài. Nhưng ông không có tiền gì mà lặn

vào những nơi phồn-hoa đô-hội để cầu lấy sung-sướng về nhục-thể. Ông tìm một nơi hẻo lánh có những núi cao rừng rậm để có thể đoàn-luyện được thân thể và tinh thần.

Ở những nơi tự nhiên như vậy, nên ông cũng thành mềm-mại hoạt-bát như khi, lại khỏe - mạnh nhanh - lẹ như hùm. Ông luyện tính tự-quản đến nỗi đêm đêm ông cứ ra đứng ở bờ suối nào mà cộp báo hay ra để uống nước, rồi người đứng sững như cây cột, mắt nhắm-ngắm ngấm. Đến khi phảng-phất thấy hai cái đèn ló, đó là hai khóm mắt lân-tinh của con ác-thú lừ lừ tiến đến. Nó khệng-khang đường bệ vì nó yên trí nó làm vua trong khoảng đêm dài. Rồi nghe một tiếng rầm... tiếng vang-hưởng rung động cảnh bí mật tịch mịch. Con vật dữ lăn ra mà chết.

Mỗi lúc nhất phát thiên quân đó là một lúc luyện tính tự quản, vì một tí cảm động là đủ làm chệch lòng sủng, viên đạn trượt thì thân người dịch sao nổi với chúa sơn-lâm.

La-Đình bèn nỗ lực trong mười năm nuôi trâu, bò, ngựa. Thân thể ông càng khỏe, linh lực ông càng mạnh thì như ông đàn-áp cả những chúa sơn-lâm mà vượt lên làm vị thần linh độc-tôn vậy. Ông đủ những cách bày hùm beo, voi để bán cho các chúa ở Ấn-Độ, các chủ xiếc ở Âu Mỹ, đào hố lấy ngà, thu thập những sơn-hào mỹ-vị bán cho Quảng-Đông.

Mười năm đầu là làm việc. Rồi mười năm sau là thời kỳ giồng cây đến ngày ăn quả. Tiền-eủa lúc đó đến như thác chảy, ông nghiêm nhiên làm chủ một món tiền Khổng-Lồ ba triệu bạc.

Lúc đó, trượng-phu động lòng bốn phương, bèn thu-xếp gia-tài cơ nghiệp, giao cho một người đầy tớ rất trung-tín. rồi đáp tàu về quê hương.

Tình cờ run-rủi ông đến chơi thành Nữu-Đán. Một người lăm tiền gặp một chỗ đông người tài nào chả muốn lần lữa? Bỗng nhiên có người giới-thiệu việc đua ngựa, lại vốn ông có tài xem

tướng ngựa, nên ấy là bậc thang đầu để ông bước vào đường sinh-hoạt đó.

Mà ông cũng thực có phần là con nung của Tài-thần. Một con ngựa Thiên-Đường của ông đã phá bao nhiêu kỷ-lục, chiếm bao nhiêu giải quán-quân. Mỗi khi nó cất bốn vó như bay kia thì hàng nghìn vạn người lấy tay bắc loa gọi:

Thiên-Đường! Thiên-Đường!

Rồi tiếng dậm chân trên sàn gỗ, trên bậc đá... rộp... rộp... như thiên binh vạn mã tiến đến sa-trường vậy.

Ít con ngựa đã được công chúng hâm-mộ và nhiệt-tình như vậy. Mà nó lại làm cho bao nhiêu người phải khuyh-gia bại-sản. Thế cho nên gọi nó là quái-vật, thiết-tưởng chưa có gì quá-dáng.

CHƯƠNG III

Nước Thượng-Nhàn

Trải hai mươi năm sinh-hoạt trong rừng xanh núi đỏ, óc đã già bao nhiêu thì tâm lại chín bấy nhiêu. Ông không có những lối nhược-cảm nhu-tình để ngăn-trở sự hành-động như đồng-bào của ông. Hễ khi nào súc-vật có con mắc phải những chứng bệnh như dịch-tả, lưu-tị (morve), quỉ-xạ (charbon) v. v. thì ông thẳng tay bắn chết ngay. Khi nào trâu bò đã về già không làm nổi việc thì ông lột da bẻ sừng ngay. Vì nuôi một con bệnh là làm hại cả đàn, giữ một con già vô dụng là tốn tiền nuôi. Vật gì khỏe mới đáng sống, vật gì có ích mới đáng để, đó là luật đào-thải của Tạo-hóa, và là chủ nghĩa thực vụ của loài người.

La-Đình hiểu thế lắm cho nên cứ xem cái tử sách của ông cũng rõ tính-chất của ông linh-hoạt thế nào. Một cái tử thực giản-dị, trên bày lơ-thơ mấy

quyền tự-diễn, từ-lâm, bách-khoa toàn-thư để tham khảo, lại vài pho sách để nghiên-cứu những việc đương thời như Vấn-đề Thái-bình dương, Vấn đề phụ-nữ, Thế-giới vận-động hội, Thế-giới đệ-nhị chiến-tranh. v. v. Những sách nào đọc rồi thì ông đem bán. Ông tin rằng người có lắm sách cũng như người béo-nhón lắm thành ra trì-dộn không thể hoạt-động được.

Ông thực là công-dân của thế-giới. Ông muốn rằng những việc đã làm cho loài người phải quan tâm thì cũng phải là việc của ông.

Những cái thiên tai của Ông xanh oan-nghiệt trên người như động đất ở Tokio, lụt ở Hoàng-hà, chết đói ở Tuy-viên bao giờ cũng làm cho ông phải nghĩ ngợi. dẫn-đo vô cùng. Nhưng trượng-phu không có than dài thở ngắn, thương hảo khóc huyên như nữ-nhi, ông chỉ kết luận một câu :

“Thế giới đông người lắm. Một trận Âu-chiến nuốt mất mười triệu người chưa có mấy. Phải vài trận như thế,

phải nhiều lần thiên-tai nữa mới đào thải hết những cái phân-tử yếu ớt héo-mòn đi, nhường bước cho một nhân-loại kiện-toàn. Mà những nước có quyền sống phải là một nước khỏe mạnh, một nước thực-hành như La-mã đời xưa và Anh, Mỹ đời nay. Những nước yếu, dù là quê-hương của ông nữa, dù là giống Hồng-nhân ở châu Mỹ, giống mọi ở châu Úc, đều phải cúi đầu trước lời tuyên-án của luật đào-thải, nghĩa là phải chịu tiêu-diệt vì là một cái gánh nặng vô-ích cho địa-cầu.

Trong khi ông bỏ thành Nũu-Đán mà đi, thì những cái chân-lý đó cứ vờ vẩn trong óc của ông, nên ông quyết định phen này giở về quê-hương, ông sẽ quan-sát xem nước ông cách hai mươi năm đã cải-lương những gì, tiến-bộ đến đâu. Nếu nước I-hượng-Nhân đã quay đầu để biết sống cho hợp thời thì ông sẽ nỗ-lực để vun-giống cho tốt đẹp hơn. Nếu bằng vẫn cứ ù-li mê-mẩn như người túy sinh mộng tử thì ông sẽ ra sức “cử đỉnh bạt sơn” này mà hết

sức hô-hào cổ-động. làm chuông sớm
trống chiều cho đến khi đạt mục đích.
Nghĩ lại thì mảnh gương thiên cổ treo
cho đời soi vẫn còn chói lọi, Nhật-Bản
vào đời Minh-trị, Ý-đại-Lợi dưới quyền
Mussolini, Thổ-nhĩ-Kỳ của Mustapha
Kémal.

Tàu đã đến bến. Trái lại với cảnh
nhiệt-náo sôi-nổi của nước ngoài,
nước Thượng-Nhân là một chốn lặng-
lẽ đìu-hiu như bãi tha ma. Người
ngồi trong hàng thì lim-rim ngủ, kẻ
ở ngoài đường thì vơ-vẩn đi, những
phu xe, phu vác mỗi đứa kiếm một
chỗ, lấy nón úp mặt nằm ngủ ngáy
pho-pho dưới ánh nắng gay gắt. Khi
ông ra đến một cái chợ mà ruồi
nhặng đầy hơn người thì thấy có
mấy cái cũi, mỗi cũi có một người
« hình-dung khô-cảo, nhan-sắc tiều-
tụy » chả khác chi Khuất-nguyên lúc
gặp ngư-phụ vậy.

Hỏi, thì có người đáp :

« Đó là mấy anh văn-sĩ cùn trái
lệnh của Triều-Đình chỉ cho phép

địch sách, dám ngạo-mạn tự đặt ra những truyện, những tưởng vô-lý. Ở đây hễ ai phạm tội đó thì bị đóng cũi trong một tuần lễ, làm gương cho nhân-dân biết. Lần thứ hai mà còn thế thì bị biệt-xử chung-thân.»

La-Đình nghe xong, lấy làm bất bình vô-cùng. Tự nghĩ: làm sách quý ở như sáng-tạo chứ có hay hơn gì ở như sự phiên-dịch? Đã đành, ở nước bán-khai thì phải nhờ tia sáng của chỗ tiên-tiến, nhưng thiên về việc dịch mà phớt sự làm sách thì chỉ gây nên cái tính nô-lệ thôi.

Ông bèn tiến đến cái cũi gần nhất, ân-cần an-ủy người vì chủ-nghĩa, tự-tưởng mà phải bị lầm-than khổ-sở. Nhà văn-sĩ ngồi cũi, cười nhạt, đáp:

«Tôi tưởng tiên-sinh chả cần gì phải an-ủy tôi. Ở trong một nước mà quốc-văn đã mai-một đi mất thì sự hình-phạt những người cầm bút như chúng tôi đây đã có gì là lạ. Văn-sĩ ở đây có hai phái: một bên là bọn đầu-cơ, một bên là lũ hi-sinh.

Bọn đầu cơ là một bọn không còn chút lương-tâm, họ thấy sóng đôi-phong đã nổi thì mắt hoa lên, chỉ nghĩ đến lợi gần mà không thấy cái hại xa. Họ bèn lợi dụng sự ngu-dốt của dân-gian, in ra lịch xem ngày xấu ngày tốt, họ dịch những sách hoang-đường quái-dẫn mà có ông tướng lùn độn-thỏ, bà công-chúa lên tiên. Thành ra dân, xưa kia đã túy sinh mộng tử mà đến ngày nay bị cái hoàn-cảnh tiểu-thuyết đó lại càng chìm đắm thất-vọng. Bọn đó chính là dương mũ cao áo dài, chêm - chệ ở trong làng nước đó.

Còn đến lũ hi-sinh, làm dê, trâu, bò đem thui để tế và cúng ông thần-khầu là bọn chúng tôi thì cảnh mới oan-nghiệt làm sao. Chúng tôi đã được thấy vũ-trụ sôi-nổi, chúng tôi muốn gọi tấm lòng thực-vụ của nhân-dân, bèn ra công viết những sách thực-hành để chụp hảnh cái ảnh to-lớn của quả đất, cho họ hiểu rằng đời nay là đời thượng-võ chứ không thể hiểu

nhân, mà những phép như đăng-vân
độn-thổ thì chỉ có tàu bay và trái
phá, mà xưa kia ý-lại vào sức trời đất
thì bây giờ chỉ nên tin vào sức của
người, sức của mình.

Chúng tôi tưởng rằng nói thế là
theo chân-lý đương-nhiên. Biết đâu
bọn kia họ coi như cừu-dịch, sợ
rằng sau này sẽ thành một mối ngăn-
trở nguy-hiểm, bèn hết sức dèm-pha,
hối lộ với quan trên. Bọn cầm-quyền
bị hơi đồng nó ám-cảnh, bèn ra oai
búa rìu để hình-phạt chúng tôi ẽ-chề,
khốn-khổ, cho đến ngày nay thì bao
nhiều hi-vọng trong tâm can đã thành
gió-lạnh, nhiệt-huyết đã thành nước
đá. Tôi chỉ dành một chết để đền
ơn cho chủ-nghĩa, cho lý-tưởng một
đời.

La-Đình kiệt-nỗi thương-tâm, muốn
khóc nhưng tuổi lệ đã cạn, muốn kêu
mà linh-hồn thồn-thức. Lần đầu mới
trông thấy quê-hương, mà lần đầu cái
ma-ảnh những Hồng-nhân ở châu Mỹ
và những người mọi ở châu Úc lại

nhảy múa trong tấm màn não-cân. Ảo-mộng ư? Hư-không ư? Diệt-vong ư? Tiếng cuộc kêu ra máu trong khoảng đêm hè là câu giả lời cho người nhiệt tâm với nước nhà.

Rồi La-Đình từ-giã nhà văn-sĩ năm cũ đến xem những trường học. May lại gặp được ông thầy trước kia là bạn đồng-song.

Trông hai người đứng đối-diện nhau mà buồn cười. La-Đình thì lực-lưỡng, cao lớn, hơi thở như đồng, đi đứng như hùm. Ông thầy thì mảnh-khảnh bé nhỏ, tiếng nói yếu đuối, loắt-nhoắt như chuột.

Thầy ôn-tồn mời ông vào. Học-trò đứng giậy chào. Thầy gọi:

«Trang, đọc Tần-cung-oán cho ông nghe.»

La-Đình giật mình như chạm phải điện. Dạy những đứa trẻ bé nhỏ này học Tần-cung-oán, học cái chán đời, học cái thương hão khóc huyên, học những điển-tích ở đâu những Thiêm-Tây, Cam-Túc!

Tên học trò, mặt nhợt nhạt, chốc chốc lại ho khan một tiếng, đứng giậy đọc như cái máy độ chừng một trăm câu. Ông tỏ ý chán, ngáp mấy cái. Thầy gõ thước bảo thôi, rồi vênh mặt ngoảnh lại nhìn La-Đình như muốn hỏi ý-kiến. La-Đình theo cách chiều đời khen hay. Thầy đặc-chí như mọc cánh lên tiên, lại gọi :

« Mỹ, đọc ngược lại đoạn thẳng Trang mới đọc »

Hồi nãy thì chạm điện chứ bây giờ thì La-Đình hình như bị sét đánh. Chả biết tâm-lý của thầy ác-luyệt đến đâu mà nỡ tàn-hại hồn-linh của thanh niên đến như thế. Rồi thầy lại thao-thao bất-tuyệt giảng-nghĩa về phép thuận-độc, nghịch-độc có ích cho sức nhớ như thế nào. Thầy bắt ông đứng dằng-dẳng trong hai giờ đồng hồ để xem xử lằng-trì lũ học-trò, nào là ông danh-thần kia có mấy vợ, vợ cả tên là gì, vợ lẽ tên là gì, ông vua kia mất năm nào, năm nào lên ngôi. Rất một

loạt những cái tiểu-xảo li-kỳ, nghiêm-nhiên rèn chúng nó cho thành một trò xiếc để lòe-loẹt trong làng xóm với lũ ngu dân, chứ không có một tí gì gọi là luyện cho chúng nó có cốt-cách để ra tranh-đấu với đời.

Ông sẽ cất tiếng hỏi :

« Thế ở đây, học trò có được vận-động thể-thao không ? »

Thầy ngạc-nhiên đáp :

« Rõ ông người già mà vẫn tính trẻ. Ông muốn cho chúng nó chạy nhảy nghịch-ngợm, lảng-nhăng, lố-nhố như lũ du-côn hay sao ? Cỗ nhân lên sáu đã mặc áo thụng, đã có dáng-điệu người lớn cả rồi đấy. »

Ông cười nhạt, vỗ nhẹ vào vai thầy giáo mà nói :

« Tôi tưởng một giờ cho chúng nó ra đá banh tròn, đánh vợt, chạy thi, tập bơi còn hơn mười giờ cặm-cui trên bàn, làm những cái tính-đố viển-vông hay những bài luận vô-lý. Ông nên biết trường vận-động là trường dạy kỷ-luật

(discipline) Nước người ta, bé đã phải vận-dộng kịch-liệt, nhón lại đi lính, cho nên khi thành-nhân đều biết trọng kỷ-luật, hễ nhất hô thì vạn ứng, vạn vạn ứng, làm việc gì mà không được, gây nên phong-trào gì mà chẳng nổi? Tôi xem học-trò ở đây đều xanh-bủng, yếu-ớt, thuở bé đã mất hẳn chiến-đấu-lực, lớn lên chỉ thành một lũ còm lưng, nầy ức, giá áo, túi cơm, ưà nhàn, bo-bíu lấy một cái gia-đình bệnh-tật, chứ không được một người công-dân nào cả. Xin lỗi ông, tôi nói hình như nhiều quá, có điều xúc-phạm ông, giờ chỉ xin tóm lại một câu. Ông phải làm thế nào mà cho sắt chảy được vào mạch máu của học-trò, như một nhà giáo Âu-châu đã nói, thì tôi sẽ kính-phục ông lắm.»

La-Đình nói những tiếng như kỷ-luật vận-dộng, cho sắt chảy vào mạch-máu, những tiếng mà nhà gõ đầu trẻ kia chưa từng hình-dung bao giờ nên hiểu không sao thấu được. Đã không hiểu thì phạm đến lòng tự-ái của thầy, thầy

giận nên khi La-Đình ra cũng chẳng buồn bảo học-trò đứng giây, rồi quay lưng lại, chờ khi khách đi đã xa, khắc một cái và chửi rằng:

« Đồ quái-vật. »

Nhưng tác-giả tưởng câu đó chưa đến nỗi sỉ-nhục, vì « quái » về mặt tích-cực là thần, « quái » về mặt tiêu-cực là điên. Thần với điên, theo tâm-lý học đời nay, chẳng khác nhau mấy.

*
* *

Nếu đem xét trên thống-kế biểu thì nước Thượng-Nhàn có tiếng là xây được một cái phế-nhân-viện to nhất trên hoàn-cầu. Vào cái viện đó như vào một cái mê-cung, hăng-hà sa-số những buồng những thang, lại chung quanh có một cái vườn to rộng hai trăm mẫu. Một nhà từ-thiện chiếm giải Nobel năm 1913 đã gọi viện đó là chốn Bồng-Lai của người điên.

Mà sao người điên, người hủi, người tàn-gạt ở trong đó nhiều như thế, chẳng khác chi một cái bảo-tàng-viện ghê-

gồm để gọi lòng từ-bi bác-ái của nhân-loại. Chỗ này một đứa kêu rú lên như-ma, chỗ kia một đứa sùi bọt mép rầy đành-đạch, đứa thứ ba thì trùng giang-mai đã đục hết một nửa đầu, hai con mắt của đứa thứ tư thì lép-kẹp, độc còn có một cái màng mỏng che như miếng vải mũi gio, lại còn người to lớn mà đầu chỉ bằng quả bưởi con. Đó là con cái của những kẻ nghiện rượu, dâm-dục quá-độ, trộm cướp giết người mắc những bệnh như bạch-trọc, giang-mai, lao-xương v. v. Chúng nó là con ác-ma quái-quỉ mà đêm khuya nằm mê ta vẫn thường trông thấy.

Trong khi bác-sĩ Trần-dinh-Nhuệ, viện-trưởng ở đấy, giắt La-Đình đi thung-dung xem khắp các chỗ, vừa đi vừa kể cho La-Đình nghe những sự ông đã phát-minh, đã thí-nghiệm và những bệnh-nhân mà ông đã chữa cho khỏi.

La-Đình nói:

« Tôi chỉ tiếc, một người đa tài đa nghệ, học-vấn uyên-thâm như ông mà không quay sự học của mình về mục-dịch cho hoàn-hảo hơn. »

— Như thế nào gọi là hoàn-hảo hơn, xin ông chỉ-giáo cho.

— Là từ chức viện-trưởng ở đây đi, rồi về nhà tận-tâm nghiên-cứu để xem có cách gì cho loài người đã bị hư-nhược vì thời-đại máy-móc này lại được kiện-toàn như khi còn ăn lông ở lỗ. Tôi tưởng loài người đã khỏe thì có đâu để ra những con cái tàn-gạt như thế này. Chỉ vì đời nay lắm máy móc, người trong thành-phố chen-chúc quá-độ nên ít khi dùng đến chân tay, khối óc quá-trương thì thân-thể hư-nhược, di-truyền một giống yếu-ớt chỉ có cái tài là cung-đốn tội-nhân cho các nhà tù. Tôi chắc ở đây lắm nhà tù thì phải.

-- Vâng, ông nói chính phải, ở đây thì cũng phạm tội như ở các nước khác, ăn cướp, giết người, làm

giấy bạc giả, buôn thuốc phiện lậu, nhưng nhiều nhất là những đứa phạm tội đeo mẽ-day giả.

— Đeo mẽ-day giả??

— Vâng, vì dân ở đây họ chuộng hư-vinh lắm, họ chỉ thích phần vua lộc nước, ai mà không có chút phẩm-hàm hay cái mẽ-day để đeo lòe-loẹt trước ngực thì bị làng xóm khinh-bĩ, già đầu cũng vẫn là thằng trẻ con. Hóa cho nên mỗi khi đình đám, hội-hè thì họ phải đi lay lục khắp nơi để mượn cho được thì mới dám đi. Thậm chí có người vùng khua môi nên mượn không được, đâm liều cắt những mảnh vải sặc-sỡ, buộc vào đồng hào ngoại-quốc để gọi là có chút xanh đỏ. Chính-phủ bắt-bớ không xuể, phải đặt hẳn một đội lính canh-sát riêng để khi khám-xét những nơi hội-hè, ấy thế mà cái dịch đeo mẽ-day giả nào có bớt đâu!

La-Đình nghe đến đấy, ngao-ngán vô-cùng, tự-hiểu rằng óc của đồng-bào thực không có một tí gì gọi là thực-tế cả. Ông nói:

« Bất-nhược, bộ thần-kinh họ đã hư-nhược như vậy thì đem thiến họ đi, cho họ không thể sinh-sản được rồi giúp họ đủ cách sống cho đến khi già chết, thì làm gì mà lo rằng sau này những tù tội không bớt đi được. Cổ - nhân bảo « cha mẹ hiền - lành để phúc cho con ! » Hai tiếng hiền-lành từ nghĩa là khỏe-mạnh : thân-thể và linh-hồn kiện-toàn, tức là cái phúc đó. Ông nên nhớ rằng kẻ làm nên tội lệ, trách-nhiệm có phải chính nó phải mang đầu. Lỗi đó là ở như tiên-thiên của cha mẹ để lại cho nó bất-túc, lỗi đó là ở như hậu-thiên, tức là hoàn-cảnh xã-hội ác-luyệt. Gi lửa vào ngòi để cho pháo nổ thì lỗi ở như cái pháo, hay ngọn lửa, hay cái bàn tay cầm lửa. Vậy cho nên bệnh-viện, phế-nhân-viện cùng với nhà tù đều có liên-lạc mật-thiết. Kẻ lao, kẻ hủi v. v. đánh thuốc chết ; kẻ phạm tội nặng như giết người, cướp của, đem thiến đi để cho khỏi di-truyền một giống người yếu-đuối.

— Xem cách ông lý-luận rõ ra người thiết diện vô tình, chẳng biết nhân-nghĩa đạo đức là gì cả !

La-Đình rún vai, bĩu môi, đáp :

« Bốn tiếng nhân-nghĩa đạo đức ngày xưa thì đời nay nên lấy tiếng « khỏe » thay vào. Trong cuộc sinh-tồn cạnh-tranh ngày một kịch liệt của thế-giới này thì chỉ có giống khỏe có quyền sống, Nếu loài người mà yếu hơn lũ mãnh thú trong rừng thì biết đâu quả đất này đã chẳng là thế-giới của hùm beo, thế-giới của sư-tử. Ông gặp một người cầm súng bắn ông, thì ông làm thế nào ?

— Rút súng ra bắn lại.

— Chứ không phải giảng đạo-đức rằng mạng người là trọng, rằng giết người thì sẽ mắc vào lưới tội, hay là lấy ống tre đập chan-chát cho nó sợ nhĩ. Vâng, thế bây giờ ông đã phục rằng tôi nói có lý thì giờ tôi lại xin mạn-phép nhắc lại lời của một nhà đại chính-trị ở Âu-châu :

« Vạn sự trên thế-gian chỉ có sắt đen và máu đỏ ».

Sắt đen và máu đỏ, đó là sự xung-đột của khỏe và yếu, đó là cách giải-quyết tối hậu của sự cạnh-tranh mà hàng giờ, hàng năm, hàng đời đã gây ra trên quả đất này, mãi mãi không thôi, vì để ra là chiến-dấu mà sống được là thắng trận đó.

Trần-Nhuệ có dáng cảm-kích, nắm tay ông một cách âu-yếm, nói :

« Được nghe những lời vàng tiếng ngọc của tiên-sinh, làm phá hẳn mấy dăm sương mù nó án-ngữ trước mắt tôi, lại được quang-dãng mà trông ánh sáng của Thái-Dương. Tôi sẽ xin một đời ra công thực-hành cái lý-thuyết của ông vì tôi đã hiểu rằng quả cầu-nê ở đạo-đức là hòn đá ngăn-trở mọi việc hành-dộng ».

— Thế ông định làm sao ?

— Tôi sẽ xin chính-phủ bỏ phế-nhân-viện, món tiền hàng năm cấp cho viện này thì đem làm những việc công

ích khác như mở thêm trường kỹ-nghệ, tổ chức những đoàn lữ-hành để cho học-sinh có thể ra quan sát ở ngoại-quốc v. v.

La-Đình tỏ ý hoài-nghĩ, đáp :

« Mong đợi ở chính-phủ thì khó lòng, vì những kẻ cầm quyền họ đã nhiễm cái tính nhân-tuần từ bao giờ, nhất-thiết mọi việc cải cách họ đều ác cảm hết thấy ».

*
* *

Hôm nay là mừng năm tháng năm. Ông ra đi dạo ngoài đường từ sáng sớm để xem thiên-hạ giết sâu bọ. Họ giết sâu bọ, nghĩa là họ giết những con vi-trùng như ôn - hoàng, dịch-lệ nó vẫn nhiều người trong buổi tiết giờ oi-ả. Ông thấy từng hàng gánh rọu nếp, mở nắp thùng ra thì ruồi nhặng nhâu nhâu tối cả mắt. Cái rọu nếp đó đem giết sâu bọ tưởng cũng thần-hiệu thực.

Có một điều lạ mắt nhất là vì ông vào đến các làng, thì thấy có lắm người đàn-bà bị trói ghì vào gốc cây rồi

chung quanh có những đàn ông con
giai vác chày gỗ vào đầu gối mà
reo:

« Này không dễ, này không dễ ».

Người đàn-bà đó là người có chồng
mà mấy năm không sinh con đẻ cái.
Nước Thượng-Nhàn quý những người
đa lộc đa đình, nên ai không dễ tự lấy
làm sĩ.

La-Đình thấy hay hay, đứng xem mãi
rồi ôm bụng cười ngặt. Bọn đàn ông
kia thấy một người sang trọng đứng
cười, tưởng là hay, lại càng đánh già,

Ông thấy người liễu yếu đào tơ kia
vi phong tục hủ-bại mà phải chịu đau-
đớn, lòng trượng-phu bất nhẫn, chạy
lại cưỡi trời cho, quát lũ kia:

« Dễ gì mà dễ lắm. Hữu sinh vô
dưỡng chỉ làm khổ cho phụ-nữ gây
thơ. Hễ lấy chồng con rồi là chỉ cắm
đầu dễ, dễ cho lắm mà nào có nuôi
được đâu? Các bác có biết bây giờ trên
thế-giới có hai nghìn triệu con người,
vật-thực không đủ cung đốn, lại chỉ sợ

có ngày kia bố mẹ phải ăn thịt con như loài cá ấy không? Đã chẳng tìm cách hạn-chế sự sinh-sản để cho mẹ, con đều được khỏe mạnh lại còn vác chày đánh vào đầu gối, làm trò khỉ.»

Những đứa nhà quê kia, chúng nó có hiểu đâu lòng hiệp-khách thấy chuyện bất-bình mà phải nói, lại hò-reo lên như cháy làng:

«À thế ra nó có tình với con này nên nó mới lại hỏi đấy.»

— Trói nó lại!

— Đánh cho nó một mẻ.

Cơn sóng gió ở thành Nữ-Đán giờ lại nổi lên ở chốn thôn-quê. Hai ba mươi cái gậy, cái sừng múa trước mặt, làm hoa cả đôi con mắt. Nhưng La - Đình là người giỏi võ, lại hay tập nhìn mặt giời, nên tinh-thần vẫn chấn-định như Thái-sơn. Ông giựt được một cái đòn gánh, anh-phong của Hạng-võ ở Cai-Hạ:

Lực bạt sơn hễ khi cái thế.

dùng-dùng nổi lên như làn sóng

đữ. Ông xắn vào đánh lũ phàm-phu tục-tử kia vỡ đầu xát tai, chúng nó cầm đầu chạy như chuột.

Quãng đồng thì hiu-quạnh, bóng chiều vắng-lãng.

Ông lại còi trời cho người liễu yếu đào tơ kia. Tăm màn đen của khoảng đêm giải từ-từ kéo lên trùm cả nhân-gian tịch-mịch, chỉ còn có hai quả tim cùng đập, hai tấm lòng cùng thồn-thức.

Lần đầu ông mới nghiệm rằng cái thân nhi-nữ kia có vẻ mát-mẻ như giọt mưa rơi trên bãi cát khô-khan. Hai mươi mấy năm, ông chỉ sống để mà chiến-đấu, để mà trăm-tư mặc-tưởng đến cuộc tiến-hóa của các dân-tộc, đến lẽ thịnh suy xoay-vắn, có khi nào đã biết Tình là cái chi chi?

Mà ví dù ông có chút tình nào nữa thì cũng bị những câu lý-luận khô-khan nó làm tiêu-ma đi mất.

Lại, lần đầu ông mới nghiệm rằng thiên-hạ ghét ông lắm. Ghét ông vì

ý-kiến xung-đột, chủ-nghĩa xung-đột. Còn đại-đa số thì chúng nó ghét ông, vì ông có tiền mà chúng nó khổ giây. Nhưng ông là người có định-kiến, có tư-tưởng độc-lập, nên những câu bình luận thiên-lệch đối với ông như gió thoảng ngoài. Ông thường nhắc đến câu của nhà thi-sĩ Edmond Rostand :

La haine est un carcan mais c'est une auréole. (1)

(1) Sự ghét là cái gông, mà vừa là cái hào-quang.

CHƯƠNG IV

Quảng-Đông và Thượng-Nhàn

Nếu có ai hỏi La-Đình :

« Ngoài dân-tộc Anh, Mỹ thì còn dân-tộc nào có tư-cách sau này chiếm ưu-thế trên thế-giới ? »

Thì ông hăng-hái mà đáp — đó là cái đề-mục thú nhất của ông — :

« Quảng-Đông ! Tôi dám quyết rằng đâu có bóng mặt giời thì đây có người Quảng. Một dân-tộc sùng thượng sự thực-tế, có gan mao-hiêm, có tài doanh-nghiệp thì thế nào mà không tiến bộ được. Cứ đem một người thiếu-niên Quảng-Đông với một người nước ta mà so sánh. Một bên là cái óc thực-hành, việc đời họ sành - sỏi, mạnh - khỏe họ thông-thạo, vật-giá họ biết rõ, họ không quản chân lấm tay bùn mà để ra đã có cái mục đích :

Đi buôn và làm giàu.

Một bên là cái óc viễn-vông, sự đời tít mịt trần-ai mơ màng, nhất thiết ghét

những việc thủ-công đều khinh-bĩ, chỉ chuộng hư-vinh, chỉ khéo nói văn hoa kiêu-sức những lý-thuyết huyền ảo, để ra đã tự-dắc là trung-tâm-diểm của vũ-trụ, đối với đồng-bào thì ngờ vực, chỉ bo bít trong số nhà với vợ con, nên rất ghét lập hội hè, nghĩa là những cách phát siễn mối đồng tâm, tình liên-lạc. Họ rất sợ mang trách-nhiệm, chỉ thích làm việc nhàn-rỗi. Mà, than ôi! việc càng nhàn bao nhiêu giá-trị càng cao bấy nhiêu, nên chỉ có cái mục-đích độc nhất vô nhị là:

Làm việc với chính-phủ, vì nhàn-hạ và sang-trọng.

Cho nên mấy trăm năm nay, nước Thượng-Nhàn vẫn sống dưới cái ách kinh-tế của Quảng-Đông. Có bao nhiêu những mối lợi to nhất như gạo, thuốc phiện, thuốc bắc, chè, gia-vị họ đều chiếm sạch. Những thành phố to ở đây mới thoát nhìn thì nghiêm-nhiên là một đô-hội của Quảng-Đông. Nền doanh-nghiệp họ tổ-chức một cách hoàn-toàn đến nỗi họ rút hết huyết-

mạch của nước Thượng-Nhàn. Con cừu vươn cổ cho người ta cưỡi ».

Những câu nói lịch-lãm như nặng nghìn cân không phải chẳng cảm động kẻ bàng-thính, mà có lẽ chỉ có đề-mục đó của La-Đình là đặc-tính với đồng-bào.

Nên họ định kiếm cách đánh phá người Quảng-Đông một mẻ.

La-Đình nghe họ sào-sạc như vậy, nghĩ thầm :

« Mỗi đồng tâm thiêng liêng của họ đã rèn luyện mấy trăm năm, thì lấy cái nhiệt-độ nănn phút mà chống sao nổi ? »

*
* *

Nổi giận một ngày một chất cao như núi đạn, chỉ chờ có một tia lửa ở ngoài là nổ.

Cái tia lửa đợi chả bao lâu. Một hôm có mấy người Quảng-Đông tranh nhau giành nước với người Thượng-Nhàn. La gì bọn hạ-lưu hay có tính khích

bác, rồi đánh nhau một trận. Linh cảnh-sát đã đến đàn-áp, phạt cả hai bên. Việc như thế tưởng cũng là ổn-thỏa. Nhưng muôn sự ở đời có nhiều cái bất ngờ không thể lường trước được. Cái sảy này cái ung! Dân Thượng-Nhàn tùm năm tùm ba bàn đánh phá những nhà cửa, hiệu buôn bán của người ta. Trong luôn bốn ngày bốn đêm chỉ nghe thấy tiếng đập phá, kêu trời đất của những người kiều-dân khốn-khổ kia. Xong một trận gió rập sóng vùi thì tay linh-tụ đề xướng việc bạo-đáng đó, mặt đầy những sát-khí, đến nhà ông đề kể những công-cuộc đã làm trong mấy hôm và xin ông ký vào cái đơn thỉnh-cầu chính-phủ trục-xuất những kiều-dân Quảng-đông ra khỏi bờ cõi. Hấn nói:

« Từ khi tôi nghe tiên-sinh giảng về sự kinh tế xâm-lược của Quảng-Đông thì tôi chỉ mơ-màng có một ngày kia tôi sẽ tổ-chức một cuộc phản-kháng vĩ-đại để gọi lòng nhiệt-

tâm ái-quốc của dân-chúng. Cái ngày rực rỡ vinh-quang đó đã đến rồi. Bây giờ tôi thiết-tưởng đã có thể mạn-phép xưng là đệ-tử của tiên-sinh.

La-Đình cười gằn, đáp :

« Nếu có ai hỏi tôi trên đời này ai tuyệt-đối phản với tôi thì tôi sẽ trình-trọng đáp: ông, chính ông. Tôi hỏi, ông có thể nào hình-dung La-Đình này cầm roi đuổi khách ra khỏi nhà không? »

— Không, vì một người làm như thế là dã-man không biết lễ-nghĩa.

— Vâng, thế ông chính là người cầm roi đó. Chúng ta là chủ mà người Quảng-Đông là khách ở trên giải đất này. Nếu ông muốn tranh-dấu với người ta thì cũng phải giữ lấy cái nhân-hiệp tinh-thần, chứ lấy đa-số mà đè thiểu-số, lấy thế chủ mà lăng-quyền khách, chỉ sợ năm châu họ chửi rửa.

— Khu-trục di-dân. hạn-chế kiều-dân, ông cứ xem nước Mỹ thì rõ.

Vả ông muốn cho người Quảng-Đông ở đây là muốn cho một giải giang-sơn gấm-vóc này chịu lầm-tham dưới cái ách kinh-tế xâm-lược của nước ngoài mãi hay sao ?

— Trời ơi ! Ông muốn đặt nước ta vào cùng phương-diện của nước Mỹ đối với di-dân da vàng hay sao ? Nay, tôi nói một lần cuối-cùng cho ông rõ. Trong mạch-máu của người Mỹ là gồm hết những tinh-hoa của dân-tộc Anh và các cường-quốc của Âu-châu. Họ phát-siễn sức chiến-đấu cho đến cực-diểm nên nghiêm-nhiên giờ làm bá-chủ trên thế-giới, làm trọng-tài cho mọi việc xung-đột của các dân-tộc. Họ khu-trục người da vàng, tức như họ bứt cỏ xấu trên thửa ruộng tốt.

Trong mạch máu của dân ta thì có gì ? Ít nước lã. Dân ta thuộc về loài máu lạnh như cá. Quả tim của họ vì vũ-trụ mà đập. Quả tim của người mình là để cho vợ con, tư-lợi, hết... Tôi cứ lấy một cái thí-dụ cho ông nghe. Nước

mình có lắm đền thờ những danh-nhân, công-thần đã làm nên những việc vĩ-dại còn ghi trong sử xanh. Thoạt nhìn tưởng là nghìn năm hương hỏa như vậy thì dân ta hiếm chi lòng ái-quốc. Ôi! Cảnh trêu người sao đến thế vậy! Chính những nơi thờ, nơi chứa cái tinh-hoa của lòng ái-quốc lại là nơi dễ trừ-diệt, tiêu-ma lòng ái-quốc. Quốc-dân đem những nơi đó làm nơi để đồng bóng nhảm-nhít cầu tài cầu tự, rất một loạt những chuyện hư-vinh và ích-kỷ. Một cái dân-tộc như vậy thì muốn đồng-tâm làm sao được. Phải trải qua một thời-kỳ huấn-luyện thực lâu năm dài tháng, chứ bây giờ muốn thi-hành ngay chả qua là nhiệt-độ trong năm phút, cơn bão-tác đã qua thì mặt bể lại phẳng-lặng như tờ.

Vậy khu-trục người Quảng-đông ra khỏi nước tức cũng như ruộng không có phân bón. Nước mình không bị họ thì rồi sau lại bị dân khác, biết đâu cảnh kinh-tế xâm-lược lại không khốc-liệt hơn cảnh bây giờ?

Vừa rồi ông mới nói tiếng giang sơn gấm vóc. Ông nên nhận rằng tôi ghét những tiếng sáo đại cà-sa đó vì không hợp lý. Suy cho cùng thì quả đất là quả đất chung, bờ-cõi chẳng qua là dấu-hiệu ích-kỷ của các dân-tộc mà thôi. Ai bảo Ấn-độ là của dân Aryens, Trung-Quốc là của Hán-tộc, Âu-Âu (Turquie d'Europe) là của Thổ-nhĩ-Kỳ? Lịch-sử chỉ là chuyện di-dân miền lạnh xuống miền ấm, thượng-du xuống châu-thỏ, xừ căn-cội đến chốn phì-nhiều. Dân nào khỏe thì sống, dân nào yếu thì sẽ bị đồng-hóa hay tiêu-diệt. Câu lý-sự tối hậu của các dân-tộc thì nên là câu này:

Ta làm chủ đất này vì ta khỏe.

-- Ông nói rất những chuyện phản-quốc. Tôi tưởng ông còn máu lạnh bằng mười dân ta.

— Ông nói nhầm. Điều đó tôi kịch-liệt phản-đối và tôi thương cho ông người trần mắt thịt. Trong mạch máu của tôi chỉ có những huyết-cầu hăng-hái để nuôi để bồi cho một khối có

thường hay tư-tưởng đến vận-mệnh của các dân-tộc.»

Nhà lĩnh-tụ, tắc dạ băng-khuâng, ngồn-ngang trăm mối, từ-biệt chủ-nhân mà đi ra.

La-Đình bèn lui vào tư-thất ngồi tĩnh-tọa. Ông học phép đó ở họ Cương-Điền (Okada) bên Nhật-Bản. Ông ngồi quì, hai gót chân nâng hai mông, lòng bàn tay phải úp lên lòng bàn tay trái để trước bụng, hai mắt lim-rim. Khi ông thở vào thì bụng phồng ra, ngực thót lại. Khi ông thở ra thì ngực phồng ra mà bụng thót lại. Lúc đó là lúc thân ông vào cõi Nát-Bản, bao nhiêu tư-tưởng đều thu vào cõi hư-không, cư-nhiên phản-đối một lý-thuyết trong khoa tâm-lý:

Luồng sóng tư-tưởng thì liên-miên bất-tuyệt (1)

Mỗi lúc đó là lúc tăng-tiến sức thọ, giảm hết mọi điều phiền-não, gạt hết những tư-tưởng dơ bẩn, làm cho thân

(1) Le courant de la pensée est continu.

người thêm sức nặng và diệt gốc bệnh. Ông đi đâu cũng đề-xương sự tĩnh-tọa và gọi lòng tôn-giáo của dân-chúng vì ông tin rằng tôn-giáo có cái mãnh-lực kiến-thiết những xã-hội, duy-trì những phong-tục để ràng-buộc người trong một nước. Ông cũng thừa hiểu rằng không tin đến tôn-giáo cũng là một cái nguyên-nhân lớn về lẽ yếu-hèn của quê-hương.

Nhìn xem những Kim-tự tháp ở Ai-cập, những nhà thờ ở Âu-châu, đền chùa Ấn-độ, những pho tượng của Hi-lạp hay La-mã, đó chính là những biểu-tượng của tấm lòng tín-ngưỡng.

Một nước không có mối tín-ngưỡng nào cả, tức là lòng dân không có cơ-hội nào được kích-thích thì nước đó sẽ bị ủ-rũ, không thể nào hăng-hái được.

CHƯƠNG V

Văn-chương và văn-sĩ

Ông Hóa-Phật, nhà làm báo có tiếng ở nước Thượng-Nhàn. Cái lý-tưởng độc-nhất vô-nhị của ông là tải thực nhiều những tiếng ngoại-quốc vào nước mình. Ngày nào trên báo của ông cũng có những bài xã-thuyết giảng những khoa viển-vông như triết-học, siêu-hình học, những tiếng kỳ-quặc như hình nhi thượng, hình nhi hạ . . . Ông cố nhồi nhét vào óc của quốc-dân. Ông nghiêm-nhiên thành một ông thầy già khắt-khe dạy một bọn học-trò ương-ngạnh không chịu nghe thầy. Hễ khi nào báo không chạy thì ông đặt ra những bài thơ “Con cánh cam”, những câu đối. Mà cũng khéo dò nhân-tâm. Thuốc tiên tưởng cũng không linh-nghiệm bằng. Tờ báo đương ngặt-ngoải sắp chết lại hăng-hái sống lại. Rồi đến cuối năm thì in những lịch để xem ngày tốt ngày xấu, niên-thư người ta thì dạy những thường-thức có

bồ-ích, ông thì dạy đánh xóc-dĩa, thò-lò, cua cá. Hoặc có kẻ can-ngăn thì ông gạt một câu :

« Cừ kiếm tiền là hơn cả »

Ông Lư-Sơn, nhà làm lịch-sử tiểu-thuyết, trong nước người ta khen ông có tài như Sienkiewick, Bulwer Lytton. Thực ra thì ông có đặt mười mấy pho tiểu-thuyết kể truyện những cổ-đại đế-vương, quyền nào cũng như quyền nào, ông vua nào cũng hiền-minh-quảng-đại, ba đầu sáu tay, ba lỗ mũi như Hoàng-Sào, mà ông vua nào cũng làm rục-rỡ cho nước nhà. Người ta làm lịch-sử thì phải gồm, phải đối những tài-liệu. Ông chỉ bằng-không tưởng tượng.

Ông Súc-Loug, tay văn-sĩ có tiếng đã từng dịch bộ Hồng-lâu-mộng, kể truyện chàng Giả-bảo-Ngọc chán đời đi tu, cô Lâm-dại-Ngọc ho lao mà chết. Nhà văn-sĩ ốm, chiêu hồn cách-đại của mấy người ốm, in sách ra cho một lũ dân ốm đọc. Tưởng hai chữ thanh khí đến đây là hết. Cho nên

quốc-dân sùng bái ông như một vị
quái-thần, sách in ra đến mấy trăm
bản.

Ông Xuân-Thủy, nhà thi-sĩ làm thơ
chán đời, làm những bài hát nói để
chửi những cô đầu nào không cho ông
ấy ngủ với. Ông là một tay kiện-tướng
trong làng Phù-dung, cho nên thơ của
ông có vẻ mung-lung phiêu diêu như
mây khói. Ông có một chứng nghiện,
người ta gọi là “nghiện ngoài da” rất
kỳ-quặc. Khi nào đến bữa hút, mà nhớ
có việc bất ngờ làm ngăn trở, ngáp quá
thành mềm rần cả chân tay thì ông
nằm lả ra như chết rồi. Người ta
không còn cách nào gọi cho ông tỉnh
được, bèn khiêng vào một cái buồng
kín, thuê mấy tay đại-nghiện đến hút,
nhét ông vào trong bị gai rồi thở khói
vào. Khi nào khói đã nhiễm thì đem ông
ra lăn. Một lúc, khói đã ngấm cả vào
những lỗ chân lông, ông lại tỉnh giậy,
đủ sức để mà kéo thêm mấy chục điếu
nữa.

Ông Đan-Thanh — nhà họa-sĩ — đã
phát minh một sự cải-lương mới là họa

lại những tranh đàn cưỡi chuột, học trò cóc để bán ngày Tết, những bức tranh Khổng-Tử, Tam-Đa.

Tác-giả xin giới-thiệu một lần nữa năm người bạn mới của La-Đình :

1. Hóa-Phật, làm báo.
2. Lư-Sơn, nhà làm lịch-sử tiểu-thuyết.
3. Súc-Long, văn-sĩ dịch sách.
4. Xuân-Thủy, thi-sĩ.
5. Đan-Thanh, họa-sĩ.

La-Đình thâm thù họ là bọn chỉ khua ba tác lưởi để lợi dụng sự mê-tín của quốc-dân, buông những câu thương hảo nhớ huyền để ủy-mị lòng nhi-nữ, bôi mặt son phấn để hiển sú trước bọn cầm quyền, bèn nghĩ cách chơi khăm một “mê”.

Hôm đó nhân rằm tháng bảy, bèn cùng thả thuyền bắt chước :

Tô-đông-Pha Xích-Bích chi du...

Năm tay tài-tử kia, tai biết nghe lời đẹp bao nhiêu thì mũi biết nếm món

ngon bấy nhiêu, bèn dẹp hết những nỗi
ngờ vực, vồn vã mà đến.

Con thuyền quế, chiếc chèo lan,
thung-thắng vượt làn sóng trong dưới
vùng giăng bạc. Xuân-Thủy cảm cái
cảnh bao-la trước mắt, thương cái thân
mình bé nhỏ phù-du, bèn cất giọng

Sự đời đã tắt lửa lòng...

La-Đình kéo áo mà nói:

« Hôm nay chúng ta nên chuốc chén
rượu để tiêu mỗi sầu vạn cổ, chứ nào
có phải lúc đem xé ruột ra mà gọi là
hay đâu? Vả những từ-điệu ẻo-lả,
những câu thơ chán đời có chắc chính
ở chân-tâm phát ra hay là một cách dối
đời của những bọn lửa lòng còn đương
ngùn ngụt? »

Xuân-Thủy lặng im, vì ông thừa hiểu
rằng trên thế-gian bao giờ cũng phải để
cho người chủ tiệc thông-minh hơn
người khách.

Đan-Thanh hỏi:

« Các khoa mỹ-thuật thì ông thích
khoa nào nhất. Nghề vẽ ông có thưởng
thức không? »

— Có một khoa mỹ-thuật đẹp nhất là chiến-tranh. Còn gì đẹp bằng mấy vạn quân giàn hai bên, đao kiếm sáng ngời, súng ống chom-chởm, rồi tiếng kèn tiếng ca, tiếng súng nổ, tiếng đạn bay, đem bao nhiêu những thiếu-niên hăng hái của hai nước cho giết nhau, giết nhau cho khéo, rồi bên nào khỏe tức là bên đáng sống hơn, thắng trận thối kèn khải - hoàn. Đến khi kéo binh thắng tiến lên vào thành, chém hết những anh văn-sĩ không biết thờ sự “khỏe” mà chỉ biết thờ giấc “mộng” đem các thư-viện đốt đi để bớt những những sách nói nhảm, vì một nước muốn làm bá-chủ trên thế-giới chỉ cần học ít mà có cốt-cách (le caractère) còn hơn đọc nhiều sách quá thành ra viển-vông mà không có định kiến chi cả.

Súc-Long đáp:

« Nghĩa là ông thích có những người như Omar đốt thư-viện ở Alexandrie, như Lý-Tư sui Tần-thủy-Hoàng đốt sách chôn học trò ? »

— Phải đó, tôi thích có một cái nhân-loại thâm hiểu những lẽ sinh-tồn cạnh-tranh của Tạo-hóa, can-tràng bằng sắt đá, không có một mảy may nào là nhược-cảm nhu tình. Một cái nhân-loại đó mới đáng sống trong khi người ta sinh sản nhanh chóng trên quả đất này.

Ông có ý bắt chước những tay đạo-đức, muốn thóa mạ Thủy - Hoàng. Nhưng không nên. Kẻ đã có đủ cốt-cách, nghị-lực để gồm thâu thất hùng, khiến Mông-Điền bắc xây Trường-thành, đông lấp bể lớn, tây cắt A-phòng nam sửa Ngũ-lĩnh, sáng lập cung điện, hưng công động chúng, liên-lạc không đứt. cái biến chế-độ, chữa đổi rất nhiều, lại sợ người bình-luận bèn nghe lời Lý-Tư, đốt cho hết lịch-đại thi-thư và bách gia chi ngôn, hễ nói thì quăng ra chợ, chôn sống bọn Hầu-sinh, Lư-sinh hơn 460, một người có gan hành-động như vậy nào có phải là người thường?

Súc-Long phản-đối :

« Vì như thế nên Thủy-Hoàng chết thì cơ-nghiệp cũng chết — Ông chớ nhớ

câu của Giả-Nghị trong bài Quá-Tần luận:

Nhân nghĩa bất thi nhi công thủ chi thể di giả hay sao ?

— Ông nói làm, khi Thủy-Hoàng băng thì Trung-Nguyên vẫn là Trung-Nguyên của Thủy-Hoàng. mà con cháu không biết giữ để mất về tay Hạng-Võ là tại chúng nó không đủ nghị-lực mà giữ đó thôi. Giả-Nghị ư ? mà còn sống về đời này thì không biết chừng tôi cũng quăng ra giữa chợ.

Lan-Đình nói xong, vùng tay vớ lấy hộp thuốc phiện của Súc - Long. — cái bản-mệnh của hần, — quăng xuống làn nước vô-tình.

Ông cố ý giả vờ như thế là muốn trêu hần, vì biết hần có “chứng nghiệm ngoài da” nên để xem thuốc phiện vật hần đều đâu.

Ông nói tiếp thêm ;

« Đời Chiến-Quốc lại còn một người có nghị-lực cương-cường, có tư-tưởng xã-hội nữa, tức là Công-Tôn-Ưởng.

Ông làm tướng của Tần-Hiếu-Công, hay giảng về thuật phá quốc cường binh, làm cho nước Tần có thể xưng bá trong thất hùng. Ông thường nói l biệ-n-bác thì gây loạn, âm-nhạc là biệ-tướng của sự dâm-dãng. Ông nhất-thiết bài-sích sự đạo đức, lễ nghĩa cho là việ-vông mà chỉ chuộng thực-tế. Tư-tưởng về kinh-tế thì thuần-tuý theo chủ nghĩa trọng-nông, muốn tăng số nông-dân thì ông cực-lực cấm-chỉ sự cho dân được học để giữ lấy chất thuần-phác. Ông lại cấm nhà buôn không cho bán gạo để ngăn trở cách thủ-lợi của họ. Muốn giảm số người buôn thì ông đánh thuế cho thực nặng vào hàng hóa để giữ cho giá hàng khỏi cao.”

Hóa-Phật chế-nhạo, nói!

“ Vì hăn khéo như thế nên khi Hiếu-Công mất thì bị kiệt-hình (banh thay)”

— Cứ thấy người ta bị tội là bao nhiêu giá-trị sồ toẹt cả ư? Thế-Khuất-Nguyên ôm đá nhẩy xuống sông cũng là vô dụng ư? Ông chỉ thấy nói ai

chuộng thực-tế là ông chèn, ông bác, chứ cái óc viển vông của ông giá đừng có dùng cách quảng-cáo cho cái báo khốn-nạn của ông bằng những cách thi làm thơ, làm câu đối, có lẽ còn bổ-ích cho quốc-dân mà không phải tội.

— Xin ông dạy cho cách gỡ tội.

— Chả hạn, ra những vấn-đề như sau này :

Tại sao nghề thêu của ta mất thế-lực ?

Tại sao nghề chạm ngà lại thất-truyền ? Rồi treo giải thưởng ba bốn trăm bạc cho người nào giải-quyết nổi một cách thích-dáng nhất.

Trong lúc đó thì Xuân-Thủy, nhà thi-sĩ hay làm những bài hát nói để chửi những cô đầu không cho ngủ với, đương gật-gù rung đùi làm thơ.

La-Đình lắng tai nghe thì ra ông đương làm bài thơ tả đêm hôm trước đi ngủ cô đầu, mây mưa đỉnh Giáp non Thàn.

Thi-sĩ đọc xong, cười ha-hả, nói :

Phàm con người có sức cảnh mới sinh tình. Những phàm phu tục tử kia, ngày đêm chỉ lăn-lóc trục lợi sinh nhai có đâu được gặp các cảnh nên thơ như vậy ! »

La-Đinh đáp :

« Tôi cũng tiếc không được cái hoàn-cảnh thích-hợp để đào-tạo cho tôi thành một nhà chạm vàng rũa ngọc. »

— Nay, nước trong, sông rộng, người đẹp, hát hay, chẳng phải là những cảnh ngày ngày ông trông thấy mà chỉ vì ông mắt đục nên không cảm đó thôi.

— Những cảnh đó chỉ để đúc những anh làm thơ thơ ốm-yếu như ông, khóc nước chảy, hoa trôi, con mèo chết, con chó sủa. Văn thơ khốn-nạn như vậy tôi không thêm làm. Tôi ư ? Phải làm những thơ có cái phong-khí hùng-vĩ, mục-dịch cao-tuyệt, đủ cống-hiến những tư mới cho văn-đàn. Tôi chỉ thích đốt một cái thành cho cháy rồi đứng đánh đàn ngâm thơ như vua Néron hay tả một bãi chiến-trường mà

thây chết ngồn-ngang, máu đào lênh-láng, trời thảm đất sầu, quỷ khóc thần kêu. Hay có những thiên-tai thảm-khốc như động đất, bão lớn, mất mùa mà phải đến ăn da giày, gặm vỏ cây. Những thời-đại lớn-lao mới sinh những công-nghiệp lớn-lao, Nhà Đường mà thái-bình thì có đâu những thi-sĩ như Đỗ-phủ, mà chính cả nhà Đỗ-phủ bị chết đói về mất mùa đó. Vì:

Thái-bình là cái mả của linh-hồn, cái mả đề tiêu-ma, mai-một những đức tính như cương-cường, mạo-hiêm, hi-sinh, can đảm v. v.

— Nước ta năm ngoái bị một trận bão, năm nay bị mất mùa, sao ông chả làm thơ đi?

— Chưa đủ trợ hứng cho tôi, vì bão chả qua mới dầm có rằm chiếc tàu, mất mùa thì chỉ đến mười sáu đồng một tạ, nhà quê ăn sẵn với gạo đỏ. Những cái đó chả qua là “muối tép”

Trong khi ông Khổng-Minh đời nay thiệt-chiến với quần-nhỏ thì Xuân-thủy

con nghiện đến đã lâu, mềm rún, gục đầu rồi lả xuống chiếu.

Mấy người bạn đồng-thanh nói :

“ Lấy đâu có thuốc phiện bây giờ ?
Chết con người ta mất ! Rõ khổ chữa ! ”

Rồi người nọ thở dài, người kia chép miệng, người thứ ba tắc lưỡi, như chứa-chan tấm lòng thương nhân-loại.

La-Đình vồn-vã nói :

« Tôi có một cách chữa. »

Bốn vị kia ngong-ngóng xem ông xoay trò.

Ông bèn co hai tay xuống dưới nách của Xuân-Thủy, nhấc nhẹ như đưa lên ba, rồi cứ quần áo thể dục xuống nước lạnh, khoảng đi khoảng lại như khi rũ quần áo giặt.

Bốn vị kia bất-bình, muốn xông lại đánh. Còn Xuân-Thủy bị một trận tắm lạnh, đương í-oái kêu van.

La-Đình lúc đó sắc mặt đỏ bừng, trợn hai con mắt tròn xoe, quát :

« Ngồi yên ! Nếu ông nào cựa cây thì tôi sẽ dận chìm chiếc thuyền. Tôi trông các ông, chắc chả có ông nào có thể lội cả, chứ tầm sông này thì tôi bơi ngang dễ như chơi.»

Ông bèn kéo Xuân-Thủy lên, sai đầy tớ thay quần áo tử-tế, xát ngực cho khỏi cảm lạnh. Xuân-Thủy lúc đó đã tỉnh như sáo, nhưng bẽn-lẽn bèn ngồi tiu-nghiu.

La-Đình mỉm cười, vãi dài mà nói :

« Tôi thất-lễ với ông trong một lúc, cũng biết là đắc-tội lắm, xin tự phạt ba chén rượu to, cúi xin ông tha tội cho trong vạn nhất.»

Xuân-Thủy đỡ tay ông, — cũng biết giận chẳng làm cóc gì được thẳng Khổng-Lồ đó, — gượng đáp :

« Thôi, có gì mà ông phải nhiều lời. Ấy mà cách chữa nghiện như thế linh lắm nhỉ ? Giá được ông hạ-cố chữa cho vài lần như thế thì cai nôi đấy ! »

Hóa-Phật nói :

« Tôi tưởng nhờ việc chi, chứ chỉ nhờ có thể làm gì mà ông chả giúp được!»

La-Đinh đáp :

« Ông nói thế chả hóa tôi là người lỗ-mãng lắm nhỉ ?»

Tiếng cười tiếng nói, cướp lời mà nói, có vẻ hỉ-hả lắm.

Rồi tiệc rượu bày ra. Một ả ca-nhi, học thói gầy tý-bà trên giải Tầm-dương, tấu khúc Đoạn-trường thanh trên giây đàn thập-lục. Tiếng linh tinh náo-nùng văng-vẳng gần xa, bốc nổi sầu-bi trong tâm can người cũng như hơi đất bốc lên ngùn-ngụt trong buổi chiều hôm, làm mờ-ám cả nhân-gian. Năm ngôi sao của nước Thượng-Nhân như tỉnh như mê, linh-hồn phảng-phất theo luồng gió bi ai, vờng mây thăm-đạm. Lấy vong quốc chi âm mà cảm bọn văn-nhược túy sinh mộng tử kia, còn gì diệt chủng bằng? Làm chi mà những khi ta muốn tìm chốn tiêu-dao giải-trí, mua cười bán vui, lại cứ bắt ta phải nghe những câu như tê-tái, như

xé ruột, như bào gan? Thử hỏi ở đất nước ngoài, nơi quán Sở lầu Tần có như thế không? Hay là chỉ riêng ở đất Thượng-nhân, mới có những giống người nhu-nhược, đi mua vui bằng những điệu vong-quốc, những câu tuyệt-chủng?

La-Đình vì hồi này đã vô-lẽ, không lẽ làm quá, đành phải ngồi lặng yên để nghe. Nghe... nghe mãi, cho đến khi ủy-mị như đã hút thuốc phiện quá-dộ, rồi đưa mắt vòng quanh xem bọn khách, người thì say sưa, người thì ủ-rũ, phảng-phất cái gương ảo-hóa, tấm ảnh diệt-vong của quê-hương hiện trong nhỡn-tuyến của kẻ trượng-phu.

Những lúc đó thì cuộn-cuộn trong tấm màn não-cân của La-Đình những hình-ảnh gớm-ghiếc : một chiếc thành lửa cháy ngàn-ngút, hai đạo binh chém giết dữ-dội, động đất, hồng-thủy, rồi những tranh oai - nghiêm tráng - liệt cử vùn-vụt lượn qua trước mắt, càng nhanh bao nhiêu càng ghê-gớm bấy nhiêu. La-Đình muốn như thế... muốn

như thế dễ gạn, dễ tẩy những căn-bã của một thời-đại quá cũ, quá hủ, chỉ biết giảng nhân-nghĩa đạo-đức hảo mà không biết chuộng thực-tế, không biết thờ sự « khỏe » là mục-dích tối-hậu của các nước đương-thời.

Con thuyền dần đi, mái chèo vỗ nước, sóng chập chờn như muốn dữ. Ông nghiêng rặng chỉ toan đập một cái cho thuyền úp, để cho lũ văn-nhược ủy-mị kia hết làm bộ vênh-vang nơi miếu đường, đạo-mạo với quốc-dân.

Nhưng có một cái ma-lực bí-hiểm ở tự đâu đâu nó phát-hiện trong tâm người ta, có lẽ là cái tiếng của bản-năng nó kêu :

Mạng người là trọng

nên nổi căm nổi giận lại nguôi nguôi dần. Ông đặt đầu xuống gối, cùng với năm người kia ngủ, đến khi thức giậy, « bất tri Đông-phương chi ký bạch. »

CHƯƠNG VI

Vận-động-trường

Tần-thủy-hoàng xây Vạn-lý trường-thành.

La-Đình xây Vận-động trường.

Trên một giải đất gần sáu mươi mẫu, thợ thuyền đương hưng công động thổ. Ông quyên một món tiền to mười vạn, lập một cái Vận-động trường để cho thiếu-niên nước Thượng-Nhàn đến chơi banh tròn, đánh vợt, đánh banh truyền.

Ông lại hoạch riêng một miếng đất hình bầu-dục để chơi bồng-cầu (base ball), cái trò chơi vui nhất của nước Mỹ và nước Nhật.

Ông lại cất một cái nhà thực đẹp để chơi lam-cầu (basket-ball), một cái ao để tập bơi, một cái sân để tập chạy 100 thước, 200 thước v.v., để tập nhảy, tập tung tạ v.v. .

Rồi ông mời đón những ông thầy có tiếng về khoa thể-thao về để huấn-luyện cho những người có chí.

Cho được có vang-hưởng to-rộng thì ông làm hai bài: 1. Thể-dục là trường huấn-luyện những đức-tính như: kỷ-luật và liên-đái.

2. Những nước làm bá-chủ trong lịch-sử như Hi-Lạp, La-Mã, Anh là những nước đã để dành một cái địa-vị danh - dự cho thể-dục.

Nhưng khốn nạn, nước Thượng-Nhàn là một nước ù-li, dân là dân máu lạnh. Đứa nghe thì lang-lảng đi, đứa có mắt thì không thèm đọc. Họ hơi thấy tổn tiến thì keo, bạn thân thì ngại, cả đời chỉ lo bo-biu lấy một lũ vợ con ho lao ốm yếu, để dành được một cái món tiền cón-con, còn ngoài ra không muốn dự chi hết.

Được một bọn theo thể-thao thì lắc-cắc đến điều. Dã-tính của chúng nó chưa thuần, nên những lúc giao đấu nhau, đáng lẽ là những lúc để biểu-hiện cái nhân-nhiệp tinh-thần thì lại là lúc để dỏ những manh-khoé giang-

hồ mải võ, đâm nhau, đá nhau, ngáng nhau, thích cánh nhau.

Có khi họ đánh cả người trọng-tài.

Họ chỉ có cái tâm-lý thích được, nên hễ hơi thấy thua thì nghi người trọng-tài có ý thiên-vị. Họ dở những câu lô-mãng ra chửi rửa, om sòm.

La-Đình thấy cảnh như vậy mà chán-ngán. Hồi-tưởng những khi ở ngoại-quốc, hai bên giao-dấu thì im phăng-phắc, lệnh của trọng-tài nặng như Thái-sơn, chung-quanh chỉ nghe những tiếng hoan-hô của công-chúng thì oai-nghiêm bao nhiêu, hùng-tráng bao nhiêu!! Rồi cúi đầu xuống nhìn đến cảnh trước mắt mà buồn tênh.

Thế cho nên cái «nhiệt-độ năm phút» của công-chúng đối với nền thể-dục của nước nhà cũng vì thế mà lửa tắt gio tàn.

La-Đình cũng vì chút nhiệt-tâm, mong cho dân mình được đủ tư-cách để đi dự các cuộc Thế-giới vận-dộng,

luyện nên tinh-thần thượng-võ để ngăn luồng sóng đời-phong, ai dè sáu mươi mẫu đất tốt đẹp đã là nơi cỏ mọc cao bằng đầu, dành phải dỡ ván ở các khán-đài bán cho xưởng gỗ, cắt cỏ bán cho chủ ngựa, miếng đất bán để họ làm nhà cho thuê. Gỡ-gạc học máu, khéo lắm mới chỉ còn lỗ có năm vạn.

Họa vô đơn chí. Ông Hóa-Phật căm-giận những từ xưa, thừa được cơ-hội tốt bèn đăng báo để thỏa-mạ kịch-liệt về những nỗi hại của thể-thao, rồi kết luận gọi La-Đình là «chùm du-côn».

La-Đình mỗi-một như khi thất-bại ở thành Nữu-Đán, bèn lui về quê, lấy một người vợ nhỏ bé, sinh được cho ông một đứa con giai xinh-xẻo. Từ đấy hai năm, ông chỉ làm bạn với cỏ cây và luyện phép tĩnh-tọa.

CHƯƠNG VII

Phá phế nhân-viện và nhà tù

Con người đã chịu chua cay lắm thì thể nào cũng căm-giận. Nhân cùng tắc phản. La-Đình cũng vào cái cảnh đó. Lý đã đành công nhưng tình cũng đáng thương. Đem một tấm thân ngang-tàng, một cái lưỡi ngỗ-ngược thì làm gì chúng không ghét.

Nên một hôm ông cho một thứ thuốc nổ thực mãnh liệt phá tan Phế-nhân-viện và mấy cái nhà tù đi. Mấy toà nhà xi-măng cốt sắt vỡ tan như gio, mà những người trong đó chết không còn xác.

La-Đình làm xong một việc tàn-nhẫn như vậy thì mừng lắm, mừng rằng đã tẩy được một mớ vi-trùng di-hại cho nhân-loại, ông nói !

“ Thế còn tốt hơn giết sáu bảy muôn năm tháng năm ”

*
* *

Được một cơ-hội tốt để nói nhân-nghĩa đạo đức, các báo nước Thượng-Nhân nô-nức đăng những bài trường-thiên đại-đoạn để thoá-mạ, để công-kích kẻ hung-thủ đã làm nên tội tầy đình. Các ông ấy nói đến linh-hồn người quá-vãng, nhân tâm bất cổ, thế-đạo nhật-suy, tưởng chừng như đọc đến những bài văn-chương tuyệt-xương đó thì hung-thủ đến phải ăn-năn cải-quá, mà những đũa lồn-tâm bất-lương cũng đạo-đức thêm được một tí.

Rồi linh đến bao-bọc mấy nơi bị phá đổ, không cho ai đến gần để giữ trật-tự. Lại có mấy tay trình-thám trừ-danh đến để bới đống gạch vỡ ngói tàn mà tìm vết tích.

Quả thực, họ tìm thấy một cái mặt đồng hồ. Họ hiểu ngay rằng cái đồng hồ đó có thể lên giây đúng từng phút từng giây như đồng hồ đánh thức. Đến giờ đó thì hai giây đụng nhau,

điện trì phát lửa làm nổ cả cái hòm thuốc mãnh-liệt. Lúc đó mới vỡ lẽ ra tại sao mấy tòa nhà đều đổ đúng vào mười hai giờ đêm cả.

Một cách phá-hoại làm tinh-xảo đến như thế, theo những phương-pháp tối-tân của khoa-học đến như thế, không phải là một đũa gian-phạm thường có thể làm được. Thế cho nên bao nhiêu điều ngờ-vực đều quay, đều đổ rồn cả lên hai vai của La-Điuh — một người có tiếng về khoa phá-hoại. —

Nên trước kia những câu thóa-mạ ông như “ Nghịch-thuyết, Chùm du-côn ” thì bây giờ lại thành ra câu chửi « Đồ vô-chính-phủ, cộng-sản-dảng, bạo-động phái, phản-quốc. . . »

Ông biết họ căm ông. Họ chỉ muốn banh thầy ông ra nhưng chỉ hiềm không có vết-tích nên đành phải cắn răng ngậm bồ-hòn. Hôm nay ông viết một lá thư khủng-hách cho Hoá-Phật, mai một lá thư cho Xuân-Thủy, bảo trước cho biết rằng đêm hôm đó đúng

mấy giờ mấy phút sẽ có người phá đồ nhà.

Họ sợ-hãi quá chừng, sợ không được sống để ăn cơm trắng cá tươi, bèn sôi nồi dọn nhà cửa, giắt vợ con, rút cục chỉ là một trận hư-kinh.

Một hôm ông gặp Lư-Sơn ở giữa chợ. Hai bên bắt tay hỏi chuyện hàn huyên vài câu thì ông quăng mấy đồng xu xuống dưới chân. Đàn ăn mày chúng nó nhâu-nhâu xông uà lại như lũ cướp cháo tháng bảy, chúng nó chỉ thấy xu là tối mắt, chen nhau, giằng nhau, xé nhau, chúng nó lắc Lư-Sơn như bỏ vào một cái thùng mà lắc, vớ, kéo cả cái bộ cánh đẹp của hắn. Hắn chửi-rủa om-sòm đến thế nào chúng nó cũng không nghe thấy. Đến khi tháo ra được thì từ giày cho đến mũ, bởn như người đi cày.

La-Đình quay lưng bụng miệng cười.

CHƯƠNG VIII

Thắng Què

Lư-Sơn về nhà, thù La-Đình không đội trời chung, bèn cho mời Xuân-Thủy, Hoá-Phật, Đan-thanh và mấy tay cừu-khôi, cự-phách đến để nhóm hội-đồng bất-thường tìm cách trừ-khử La-Đình, khu-trục ra khỏi giang-sơn nước Thượng-Nhân.

Lư-Sơn đập bàn nói:

« Trên giải giang-sơn gấm vóc này đương có một cái ung độc, mãnh-liệt hơn nạn Hồng-thủy, khốc-hại hơn lửa chiến-tranh, nó đương đào, đương đục cái nền-tảng của xã-hội, phá-hoại những chế-độ mấy nghìn năm của nước nhà, đầu độc vào trong óc non-nớt của thiếu-niên, tạo nên một cái không-khí khủng-hoảng khắp cả nước.

Từ xưa đến nay, nó vẫn cạy nó có của, nên lấy khí lẳng-tảng mà đàn-áp cả hoàn-cảnh, Nó xưng những chủ-nghĩa vô-chính-phủ, những phương-

pháp bạo-động như phá-đồ phế-nhân viện, đề lao, nhà thương. Cái thằng chum du-côn đó chỉ muốn lập những vận-động trường, ôi ! vận-động trường để luyện cho bọn vai u thịt bắp có cơ hội đến đấm đá nhau, chửi-bới nhau. Kết quả những việc công-đức đặc-biệt của nó như thế nào hẳn các ông đã biết. Thằng đó là . . . »

Bao nhiêu người đồng-thanh nói :

« Là thằng La-Đình. »

Rồi họ như say như cuồng, dậm chân xuống sàn như ca bài quốc-ca :

Là thằng La-Đình.

Là thằng La-Đình.

Là thằng La-Đình.

Thằng La-Đình.

La-Đình, Đình, Đình.

Hát mãi, hát cho đến khản cuống họng, sủi bọt mép mà vẫn hát.

Đan-Thanh đứng giậy, nói tiếp :

« Nó lại còn một cái tội đại-ác nữa là phạm đến sự thần-thánh uy-nghiêm



của nền giáo-dục nước nhà. Nó bảo giáo-dục hủ-lậu, chỉ luyện trí - nhớ, không chuộng thể-thao, tàn-hại thiếu-niên. Nó chỉ thích có nhiều trường học nghề...»

Súc-Long nói:

« Nó bảo trường học ngày nay là trường dạy mài-mực, cạo giấy, trường thoái-hóa, văn-tự ngục. Nó chỉ muốn có trường dạy nên những anh tài-sế, những bác phó mộc.»

Hóa-Phật nói:

« Ôi! còn gì là cái nho-giả khí-tượng mấy nghìn năm của nước nhà nữa? »

Nói xong bưng mặt khóc hu-hu.

Còn những người kia, lẳng-lặng một lúc rồi nói:

« Đuổi nó đi.»

— Quăng nó ra giữa chợ.

— Xử lẳng-trì.

Sau có ông Cửu-Cao, xưa nay vẫn hay đi lại nhà La-Đình. Hắn có cái bệnh như mọi người là bệnh kiết.

Mỗi khi hẵn hết tiền thì ngồi nhà đặt những bài về ca-tụng cái phong-độ, cái đạo-đức của La-Đình, những câu vang-vang như :

Ông đẹp như mặt giời.

Ông sáng như giăng thu.

La-Đình nào có phải phường ăn phỉnh, nhưng mỗi khi hẵn đem bài về đến thì thành-tâm không nghe mà thành-tâm cho hẵn vài đồng bạc để hẵn đi cho rảnh mặt.

Cửu-Cao nói :

« Tôi có một kế hay là cho người tâm-phúc đến ở nhà hẵn, dò xem hẵn làm những việc gì phi-pháp thì đem xử cho thực nặng.»

Đan-Thanh tán-thành trước, nói :

« Kế đó hay lắm. Nó đã làm nổ nhà thương thì giờ chúng ta làm nổ xác nó ra.»

..

Sáng hôm sau, Cửu-Cao giắt một thẳng ti-hí mắt lươn, miệng vầu như

mồm ngựa, đi đứng loắt-choắt như chuột.

Khi thấy La-Đình mở cửa ra hứng gió mát buổi sớm thì sá dài, hỏi :

« Cỗ nhân biệt lai vô dạng? »

— Cảm ơn. Hai chân tôi vẫn đứng vững. Hôm nay hai người đến chắc được hai bài vè. Xin đọc cho nghe với vì nước non luống những lãng tai Chung-kỳ.

— Bẩm hôm nay, tôi đến hầu ông còn có ích hơn bài vè là hiến ông một người đầy tớ tâm-phúc, nó sẽ trung-tín với chủ hơn con chó...

— Còn gì nữa.

— Nó lại ăn ít cơm nên ai cũng muốn nuôi. Nó sợ ma nên tối chắc không thể nào thức giậy bẻ khóa nhà ông được. Nó có đức chịu khổ, đêm mùa hè muỗi bay tới-tả mà vẫn chịu phơi xác cho muỗi cắn.

— Nghĩa là nuôi nó thì có bốn điều lợi : gặm xương như chó, ăn ít đỡ tốn

gạo, sợ ma không ăn trộm, đồ tốn
màn.

— Chính chốc! Ngài minh lắm, nói
có thể mà ngài nhớ cả. Lại xin ngài
nhớ nuôi thẳng này cho.

.*.

Trời sinh ra những dị-nhân thì
trời dành cho những dị-sự.

Một hôm, đứa con yêu của La-Đình
mới lên bốn tuổi bị một chiếc xe ô-tô
cán đứt một chân. Khốn nạn, nó chết đi
sống lại bao nhiêu lần mới chữa khỏi
được thì cái thân yếu-đuối kia mắc đủ
thứ bệnh như sốt rét, động-kinh rồi
sau đến bệnh ho. Mặt nó nhợt-nhạt
như cái xác chết, cả ngày đờm kéo
khò-khè ở cổ làm cho khó thở đến nỗi
có khi phải trợn trừng đôi con mắt,
trông thực đáng thương quá. Mạng
của nó chả khác chi một sợi tóc dưới
treo nghìn cân, đứt lúc nào không
biết.

Một hôm, đêm mùa hè, ông khắc-

khoải năm canh, bèn ra sân, miệng ngâm một điệu xì-gà ngừng mắt lên nhìn giải ngân-hà. Sao sáng vắng-vắc, rồi hình như cảm-khái đến lẽ sinh tử tồn vong của vũ-trụ. Điệu xì-gà càng gần hết, thì hình như càng cảm chất kích-thích, thu bao nhiêu tư - tưởng viển-vông tán-mạn lại thành một mối tư-tưởng hợp nhất, diệt hết cả những thường-tình như cá-nhân đối với gia-đình, cha đối với con, vợ đối với chồng. Sinh-mệnh của ông hình như hòa lẫn với cuộc sinh-mệnh đại-đồng của vũ-trụ, bất-giác lại nhớ đến câu thiên-cổ của Tô-Thức trong bài Tiền-Xích-Bích :

Dữ kỳ bất biến giả nhi quan chi, tặc vật dữ ngã giai vô tận dã.

Ừ thì cho đưa con yêu quý của mình vào cõi vô-tận. Nó sống đã chẳng ích gì cho nhân-loại thì để nó chết họa may có ích hơn.

Ông bèn rón rén tiến vào buồng. Đưa con vô-tội đương nằm ngủ với người mẹ vô-tội. Ngọn đèn mẹ nó kêu to để phòng đêm khuya nó quấy

thì dễ hầu-hạ đỡ-dành nó. Lúc đó hình như ánh vàng ở những câu đối, ánh đỏ ở bức hoành-phi chiếu càng rực-rỡ chói-lọi, dường muốn can-ngăn một việc thất-đức. Ông sẽ vịn ngọn đèn xuống, quàng tay nên bắc thụt xâu, ngọn lửa phụt-phụt mấy cái rồi tắt biến, chỉ cho ông đủ thì-giờ để nắm cái cổ con con nhỏ như cổ gà của đứa bé. Ông ngảnh mặt đi, nghiêng răng bóp. Nó lắc-lè, nó rầy mấy cái rồi linh-hồn bay vào cõi vô-tận.

Vợ La-Đình giạt-minh tỉnh giậy, thắp được đèn lên thì thấy con đã lạnh ngắt, bèn ôm nó vào lòng, miệng mếu rệch, bù-lu, bù-loa khóc, mắng:

«Mày hại con tao rồi. Cái thằng chó má kia.»

Rồi bà kê má vào má con, thổi vào miệng con như muốn thổi hơi nóng vào cái thân lạnh kia, bà đưa dầy nó, hình như ru cho nó ngủ. Nhưng nó ngủ, bà ru thì nó xin ngủ, ngủ một giấc nghìn năm có bao giờ tỉnh lại...

Cồ-nhân nói: sống chết là việc lớn. Trên quả đất cần-cọi này còn gì khổ bằng cảnh sinh-li tử-biệt, còn gì thảm bằng cảnh xé ruột người mẹ hiền đối với đứa con-thơ. Cớ chi mà vũ-trụ vô-tình, sao vẫn sáng vằng-vặc, trời đã sắp rạng đông, chả kéo cho đêm dài tí nữa?

La-Đình, mồ-hôi ra như tấm, hình như đương mang nặng cả một quả núi Thái-sơn. Ông cũng hiểu bây giờ lấy lý nói không được, đành phải cắn răng chịu. Cũng mong vợ không đến nỗi tuyệt-tình tố-giác mình. Nhưng có hai con mắt dăm-dăm nó đương rình ngày đêm, đó là hai con mắt của đứa đày tớ mới nó đến làm mật-thám cho bọn Cửu-Cao, Hòa-Phật.

CHƯƠNG IX

Biệt-xử chung thân

Sáng hôm sau, mới tan sương thì đã có một nhà y-sĩ, mấy tay trinh-thám và bốn người lính đến gõ cửa nhà La-Đình.

Ông mở cửa ra, mệt quá không đủ sức để tiếp khách, xin lỗi rồi ngồi rũ xuống ghế.

Y-sĩ nét mặt nghiêm-khắc, lãnh-đạm hỏi :

« Ở đây có người chết phải không ? »

— Phải, có đứa con lên bốn của tôi nó từ-trần từ đêm hôm qua.

Y-sĩ vào xem, thấy chung quanh cổ nó còn ngấn ngón tay thâm-tím, bèn quát :

« Anh giết con anh. Vì pháp-luật mà tôi phải bắt anh. »

Bốn người lính, chằm đờ đờ hồi, xịch ngay tay của La-Đình dẫn đi.

Lúc đó nghị-luận trong nước lại nhao-nhao lên. Đầu đường góc chợ,

những tên hát sấm cũng đặt bài vè để hát. Trên các rạp tuồng thì đem diễn thành kịch, họ khéo tô-diêm đến nỗi tả La-Đình đem mỗ bụng con để lấy gan ăn cho được sống trường-sinh. Rồi đến khi xử tội thì nào bỏ trong một cái thùng trên nắp có một cái lỗ đủ nhét đầu vào, trên đầu thì đắp đất đổ dầu lạc vào mà đốt, chung-quanh lại có những đứa rô-dại điên-cuồng giắt tay nhau kéo đèn chạy quân vừa ca vừa hát.

Lúc đó hình như họ đói thịt người, khát máu đỏ, tiếng vỗ tay rầm như sóng cồn.

*
* *

La-Đình chịu lầm-than trong cũi nhân-gian địa-ngục hơn ba tháng, nào là bị chuột rúc muỗi cắn, rận rệp hút máu, xiềng ăn thối nát cả chân, lại thêm đói khát không ngủ được, thân-thể võ như cái bóng người.

Ông cũng biết lần này, âu cũng đành đồng qui ư lặn nên bao nhiêu sinh-lực

tắt hết cả, ông không còn muốn sống làm chi nữa.

Nằm trong ngục tối, nghĩ đến nông-nỗi của một nước bất-nhân bội-bạc mà ông chán ngán. Cổ họng như muốn nghẹn vì những nỗi chua cay ! Ông than :

“ Ta xưa nay vẫn tin rằng, sự “khỏe” là cái then-chốt tồn-vong của các nước. một nước yếu không có quyền sống trên quả đất này. Thời-dại nào cũng vậy, không ai được quyền nói rằng giang-sơn này, xã-tắc kia của ai, hay Trời Phật nào đã định-mệnh trong thiên thư, phật-kinh nào cả.

Thử hỏi một nước mà giáo-dục không chủ luyện cốt-cách để chiến-đấu với đời mà chỉ đúc nên những bọn mãi mực cạo-giấy, chỉ biết tranh-đua hư-vinh mà ghét đường thực-tế, lại không biết sùng-bái những vĩ-nhân, liệt-sĩ mà coi ai cũng như ai, chứa-chanh rất một nỗi đố-ky hèn mạt; không biết gì là quốc-hồn, là đồng-tâm mà rời-rạc như một đồng cát vụn.

Lại một nước không biết thờ sự thể-dục để gây nên một nhân-loại kiện-toàn mà chỉ có rất những bọn hủ-nho hư-nhược, một khối linh-hồn bệnh gửi trong một cái thân-thể bệnh.

Thì có quyền sống không?

Không.

Vì đã không biết sống thì đến khi chết đến cổ cũng chẳng biết nào!

Ta sở dĩ hi-sinh cả gia-dình, cả hạnh-phúc của cá-nhân, cả những cái gì quý-báu nhất trên đời của ta là để đoàn-luyện quê-hương thành một nước kiện-toàn, có chiến-đấu lực.

Nhưng ta không rõ tại sao mà lòng thành của ta không đủ cảm-ứng trong nhân-tâm? Hoặc là, nói như tôn-giáo, ta không đủ thanh-tâm chăng?

Thần-thể ta, linh-hồn ta đã khổ lắm rồi. Ta không nỡ sống để dự đến cuộc diệt-vong của nước nhà. Nhưng ta non gan gì mà không sống thêm vài hôm nữa để xem lũ quan tòa khua cái lưỡi đao kiếm, cái bút răn-rết để hãm-hại ta . »

La-Đình trăm-tư mặc tưởng luôn bảy
đêm, gồm tất cả những tư-tưởng đó
thành một quyển sách, muốn đề nhan-
đề là :

Cảnh cáo quốc-dân .

Ông chờ đến khi ngục-lại đem cơm
vào, thì khúm-núm — lần đầu, vì tư-
tưởng, vì chủ nghĩa phải khúm-núm --
xin :

« Nhờ bác làm ơn xin với quan trên
cho tôi một trăm trang giấy, một lọ
mực và một quản bút. »

— Viết thư đi đâu mà lẩm thế ?

— Không, tôi viết một quyển sách.

Ngục-lại trong bụng có ý ngây-ngấy
tởm. Đó là cái tâm-lý chung của cả
nước Thượng-nhân đối với các nhà
làm sách. Họ cho văn-sĩ là một giống
trùng-hại có cái óc kỳ-quặc chỉ nhiều-
hại và làm mất thì-giờ của quốc-dân.
Mà họ lại không hiểu làm sao bọn
văn-sĩ kia cứ chịu khó mài óc làm
những việc vô-ích.

Hắn ngần-ngại một lúc, rồi nói vu-
vơ :

« Được, để tôi xem ».

Nói xong, La-Đình bần-khoăn suốt cả đêm không ngủ được. Cái ý muốn viết một quyển sách, một quyển sách nói cho ráo-riết để ghi trường-hận lên tờ giấy trắng làm cho hai con mắt tráo trưng mãi cho đến sáng.

Một sâu chia-khóa leng-seng, tiếng cọc - cạch ở trong lỗ khóa. Người ngoài ung-dung bao nhiêu thì người trong nóng lòng sốt ruột bấy nhiêu. Cửa hé ra, ánh sáng tràn vào buồng tối như nước lụt. La-Đình không đợi bần quay đầu vào, vội vàng hỏi :

“Thế nào bút giấy ông có cho tôi xin được không ?”

Người kia chép miệng, lắc đầu nói :

“Quan trên bảo ông có chứng bệnh thần - kinh, dù cho ông viết bao nhiêu cũng là vô ích, nên không cho. Và lại dặn thêm rằng nếu ông đòi nữa thì sẽ đánh cho ông một trăm roi.”

Những lời chửi-chẳng của tên vũ-phu kia phản-động rất mãnh-liệt trong

tâm-khảm của La-Đình, ông hét lên một tiếng, lặn ngửa ra, máu tươi trào ở miệng ra.

Ngục-lại nhô vào mặt La-Đình, khóa cửa đi ra, miệng lẩm-bẩm :

“Lại cơn động-kinh nổi lên.”

*
* *

Phiên tòa hôm nay xử đóng cửa, vì sợ dân căm tức La-Đình, đến làm náo loạn trước cửa công. Ở ngoài, hai hàng lính nhung-phục chỉnh-tề, lưỡilê sáng ngời, uy-nghi tề-túc bao nhiêu thì ở trong pháp-đình sơ-sài cầu-thả bấy nhiêu.

Đã có giấy báo rằng quan tòa cử-định Liệt-Quân làm trạng-sur cho La-Đình. Khi hai người lính điệu ông lên thang, đến gác thì chính Liệt-Quân đương tựa ở cửa sổ nói chuyện với tay y-sĩ đến khám nhà ông trước kia.

Vào trong một cái buồng hẹp độ sáu thước vuông, trông sang bên tả trên ghế nguyên-cáo thì đã thấy vợ

ông, đẩy tờ của ông, rồi đến y-sĩ đứng bên cạnh với mấy tay trình-thám.

Ông được ngồi ở giữa, đối-diện với quan-tòa. Đằng kia là một cái bàn giải. Quan tòa ngồi ở giữa, hai viên bồi-thăm hai bên và một viên lục-sự. Rồi đến các trạng-sư ngồi hai đầu.

Đằng-dẵng trong hai giờ những câu hỏi vô lý, những lời cãi sơ-sài, còn La-Đình muốn nói câu gì thêm để tỏ nỗi khuất-khúc trong lòng, quan tòa cũng không cho nói.

Đến khi tuyên-phán.

Phải phạt hai trăm roi và chung-thân biệt-xứ. Hạn trong 48 giờ linh phải dẫn ra khỏi địa-giới.

Thịt da ai chẳng là người. Những vết roi bỏng như lửa làm bay da bắn thịt. Ông cắn răng chịu từ đầu đến cuối, nét mặt thản-nhiên như bức tượng. Chính lúc đó là thu hết tinh-thần vào câu châm-ngôn vẫn treo ở trên các trường học bên Đức.

Anh mất hết gia-tài ư? Anh chưa mất gì! Anh mất cha mất mẹ ư? Cũng

chưa mất gì ! Chỉ khi nào anh mất cốt-cách làm người (le caractère) là anh mất cả đó.

Cái cốt-cách đó, ông dẫu ở trong mấy từng lâm-khảm, ông không chịu lộ ra ở nét mặt rằng có chút gì sợ-hãi, núng-dộng cả.

Nhưng ông đành chết, chết không thêm rĩ rãng. Khi rảo ông sẽ ra khỏi địa-giới của nước Thượng-nhàn, chết ở giữa vùng trời bao-la muôn trượng, khuất hẳn những con mắt tục của trần-gian.

CHƯƠNG XI

Ăn-sĩ và liệt-sĩ

Sáng hôm sau. Một tên lính mặt sắt đen sì, cưỡi con ngựa hung, buộc một sợi giây thừng vào cổ rồi lôi La-Đình đi.

Trước con ngựa còn đi nước kiệu, sau rồi nó tể. La-Đình tỉnh không thềm rỉ rãng cầu thương, cảm dầu chạy trên bãi cát nóng như lửa. Ông chẳng thấy đói, chẳng thấy khát, ông cứ chạy cho đến chết, quyết chí chết vì ông chỉ còn một thân một mình đứng giữa trần-ai, chẳng còn ai đoái-hoài đến La-Đình nữa.

Giờ đã xế chiều. Đứng xa thấy một cái biển trắng in chữ đen, đó là hết địa-giới nước Thượng-Nhàn. Tên lính đập ông một cái bản lăn sang bên kia, gần bờ một cái giếng rồi nó phi ngựa đi mất.

La-Đình nằm gục xuống. Quả tim đánh càng thấy nhẹ thì ngọn lửa sống càng tắt dần. Bao nhiêu hình-ảnh

trong đời ông hiện cả trong óc nhanh như chớp nhoáng. Đó là bài học ôn mà ông Hóa-công đọc cho sinh-linh nghe trong khi bước từ cõi dương vào vào cõi âm.

Bông có nhà ần-sĩ nấp đằng sau giếng, rón-rén bước tới, cúi đầu xuống nghe hơi thở, rồi đổ nước lạnh vào mặt cháy nắng của ông. Một cái sinh-lực mới lại cuồn-cuộn trong mạch máu của người hấp-hối, La-Đình rền-rĩ.

«Trời ơi, cho tôi chết đi, tôi không muốn sống làm chi nữa.»

Tiếng của ần-sĩ lúc đó văng-vẳng êm ái như tiếng đàn tiếng sáo :

«Hăng lẳng tai mà nghe ta kể chuyện. Ta muốn rằng trước khi anh chết thì anh không được căm-giận ai, hờn-oán ai.

Anh yêu quê-hương, quê-hương ghét anh. Vì rằng anh muốn lấy sức của

cá-nhân mà địch với sức của tổ-hồn (1). Trải mấy nghìn năm sinh-tồn trên giang-sơn này mới gây được tổ-hồn, có những tính-chất đặc-biệt cũng như tính chất của mọi người, chả ai giống ai. Tổ-hồn của chúng ta có những tính-chất gì, anh đã biết, mà anh vẫn thường thóa-mạ. Tức là một chuỗi dài những tính nhu-nhược như sợ.chết, không có cốt-cách, không chuộng thực-tế mà chỉ thích viễn-vông, không biết hợp-quần, không thương-võ mà chỉ chuộng hư-văn; hư-vinh, không biết quốc-gia là gì mà chỉ biết có gia-dình, sợ trách-nhiệm nên chỉ thích nhàn-hạ, tính cầu-thả, tính hay bắt-chước, vì thế cho nên những lễ-phép, phong-tục, chế-độ là những mối để ràng-buộc

(1) Quốc-hồn (âme nationale) với tổ-hồn (âme ancestrale) khác nhau xa. Quốc-hồn gồm những đức-tính hay như ái-quốc, hi-sinh, duy - tha, đồng tâm, thờ-phụng vĩ-nhân, cốt phải trong-trẻo sáng suốt để làm gương cho quốc-dân. Tổ-hồn gồm cả tính-tốt và tính xấu. Quốc-hồn về khoa luân-lý học, tổ-hồn về khoa tâm-lý học.

dân trong một nước đều bất-định cả, sáng theo Âu, chiều theo Á, trên mặc áo tây, dưới vận quần tàu, rất những tính nhu-nhược cho những dân đàn-bà, không đủ lực chiến-đấu để ra chống-chọi với-đời. Tồ-hồn đó đã mấy nghìn năm, nó đã in sâu vào trong tế-bào, nó đã nhiễm đậm vào trong huyết-cầu, thì cũng mấy nghìn năm mới đổi được, Ta cũng thế, ngày xưa ta cũng nhiệt-tâm với quốc-gia bao nhiêu, sau thấy người đời lãnh-đạm nên không thành công, bèn đến đây ăn-dật để tư-tưởng về nguyên-nhân thất-bại. Cái nguyên-nhân đó ta vừa kể rồi.

— Đợi mấy nghìn năm nữa, chờ khi đổi được tồ hồn thì còn đâu nước nhà nữa?

— Mặc chứ ! giang sơn kia nào có riêng của ai ? Dân nào yếu, dân nào nhu-nhược, thể-tất phải diệt-vong, đó là luật đào-thải thiên-nhiên của Tạo-hóa. Nói đến tình thì đáng thương, chứ

suy đến lý thì không có gì chính-đáng bằng.

— Nếu thế thì càng thêm một lẽ nên chết trước đi còn hơn.

Ăn sĩ cầm gáo nước đầy kề vào miệng của La-Đình nói:

“Sức của anh đã kiệt rồi, mạng của anh chỉ còn trong giây phút, nếu anh nghe lời tôi khuyên-nhủ thì xin cạn gáo này để hồi phục lấy sinh-lực, cố sống để tìm nơi khác mà đoàn luyện thêm cốt-cách, phát-siễn thêm nghị-lực, vì nếu anh không phải là người của quê-hương nữa thì anh còn là người của thế-giới kia mà!”

La-Đình, tận sức bình-sinh gượng giậy uống cạn gáo nước

Một đàn quạ vờ vẩn trên không cất tiếng kêu như xé giời, sải cánh bay về phương nam.

11 Avril 1930



CẢI CHÍNH

Trang	Dòng		Đọc là
7	16	bãi cát	bãi cỏ
29	5	đó là lại	đó lại là
30	3	chi chiếu	chỉ chiếu
»	9	hơi sữa	hôi sữa
31	8	có chết đuối	có người chết đuối
33		cuối Lincolu	Lincoln
44	12	ám-cảnh	ám-ảnh
68		cuối khối có	khối óc
78	15	cửa hần	cửa hần
»	20	đều dàu	đến dàu
79	23	Thế-khuất-Nguyên	Thế, Khuất-Nguyên

Vân vân



MỚI XUẤT BẢN

VI-HUYỀN-ĐẮC

CÔ

ĐẦU

YẾN

*Quyển sách của chàng Tư-Mã,
ở Thu-nương
trong những khi khắc vợi canh tàn*

0\$20

NGUYỄN-KINH & C^H
HAIPHONG
XUẤT-BẢN

Thái-Dương Văn-Khố

